

**TẬP TỤC
ĐẤT QUẢNG**

Tập tục trong nông nghiệp

Trong trồng trọt

Tục làm đất cấy lúa nước

Nhờ hệ thống sông ngòi trải đều khắp trên địa bàn Quảng Nam, Đà Nẵng nên người dân đất Quảng từ thuở xưa đã lấy canh tác lúa nước làm trọng, một năm thực hiện được hai vụ lúa chính, trong khi đó các dân tộc thiểu số vùng cao của đất Quảng lại thiên về nuôi trồng lúa rẫy với phương thức làm nương, đốt rẫy tủa lúa, ươm ngô là chủ yếu.

Lúa thường có nhiều giống khác nhau. Đối với đất ruộng bùn lầy thường trồng các giống lúa Chiêm, Bát nguyệt (tám tháng), Mận chùm và Nếp hương, Nếp cái, Nếp mèo. Về sau này còn có thêm loại lúa Ba trắng (ba tháng), lúa Trì gieo trên đất khô. Trong dân gian xứ Quảng, đến mùa vụ người nông dân ra đồng thường nghe câu “*Chẳng qua duyên nợ ông Trời giùm, Ba trắng trở trước mận chùm trở sau*” là có thể hiểu được quy trình sinh trưởng của các loại giống lúa. Đất thổ thích hợp cho các loại giống lúa Đen, lúa can, lúa Lóc, lúa Ngự, trong đó giống lúa can nổi tiếng là ngon nhất. Do đó, trong nhân dân đất Quảng thường truyền tụng câu tục ngữ “*Nhất lúa can nhì gan cá bóng*” như là một hình thức so sánh ngợi khen chất lượng của loại lúa này trong sản xuất nông nghiệp.

Bắt mọng (mạ)

Đến mùa vụ, để tranh thủ đúng lịch nhất là sau tục lệ làng đã làm lễ hạ điền xong, nhà nông thường ra đồng làm đất. Trước hết là làm đất gieo mạ, nhà nông chọn đất, sục bùn tươm tât, dùng cuốc bừa cuốn đất vuông lên thành rò mọng (mạ) hình mu rùa, dài ngắn tùy vào khổ đất thổ. Rò mọng phải đảm bảo đất mịn và sạch cỏ dại, mặt rò bằng phẳng để không đọng nước. Mọng là giống lúa được chọn đem ngâm nước 3 ngày 2 đêm, tục trong nhân dân gọi là đủ cũ thì lúa mới nảy mầm thành mọng được.

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hầu hết sau khi đốt rẫy làm đất xong, dùng các loại dụng cụ thô sơ: *cái rựa, cái rìu hạ chỏi*. Người Co có loại *xuôk – rìu – dao phát – urk* – cuốc lật, xới đất tơi xộp đoạn mang lúa giống ra nương rẫy và gieo thẳng xuống đất theo phương thức *chọc lỗ bỏ mầm* bằng *chà nạch*, người Co gọi là *gay da mul - gậy chọc lỗ*. Những trận mưa tiếp theo sẽ làm cho đất ẩm và do đó hạt lúa nảy mầm mọc lên

thành cây lúa. Để phân phối lúa mọc đều trên rẫy, người nông dân chờ khi bụi lúa lên chừng 15 cm, nhổ bớt những chỗ lúa mọc dày và làm cỏ bằng *avinh – cào cỏ* – người Ve gọi là *knov - nạo cỏ* - trồng vào những nơi thưa hơn, tạo cho rẫy lúa đều đặn, màu xanh phủ đầy trên đất đỏ, trông rất đẹp mắt. Các dân tộc thiểu số tại Quảng Nam, Đà Nẵng cư trú chủ yếu trên vùng rừng phía Tây của tỉnh, người Cơ tu có tại Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, xã Hoà Bắc (Tà Lang, Giàng Bí, Cầu Sụp), xã Hoà Phú thuộc huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng; người Co, Sê Đăng ở Trà My, người Giẻ Triêng ở Phước Sơn... Đây là những tộc người có tập tục làm lúa rẫy lâu đời theo hình thái kinh tế nương rẫy tồn tại rất lâu đời cùng với sự phát triển của các tộc người, từ đó hình thành nên hệ thống văn hoá của các tộc người miền cao, đây là văn hoá của cư dân nương rẫy. Theo tục lệ, người Giẻ Triêng chia đất rẫy thành hai loại: loại trên sườn dốc chỉ gieo trồng từ hai đến ba năm rồi để cho đất nghỉ, rừng phát triển tái sinh chừng 10 năm gọi là loại rẫy *mir*; loại thứ hai có địa hình tương đối bằng phẳng hơn trải dài theo các con suối, hoặc ven sông được gieo trồng luân canh nhiều loại cây lương thực khác nhau sau khi xong mùa lúa, bắp, khoai và các loại cây đậu ngắn ngày khác thì gọi là đất *pôh*. Đối với người Co gọi rẫy định canh là *apoh hlai* nhưng không nhiều.

Để sản xuất được năng suất cao, vai trò của công cụ lao động là hết sức quan trọng, tùy theo loại hình nương rẫy mà sử dụng các loại công cụ như rựa, rìu, cây chọc lỗ, gùi, cào cỏ, cuốc tay có lưỡi dẹt sang bên... Kỹ thuật trồng phù hợp với nương rẫy, nay được xem là còn lạc hậu, chủ yếu dựa vào sự màu mỡ tự nhiên của đất nương. Xưa kia, họ chưa biết bón phân, chưa biết dẫn thủy nhập điền và cũng không quan tâm đến việc tưới nước cho các loại cây ngắn ngày khác. Có thể nói sau khi trồng tủa hạt xuống đất rẫy là chờ nước từ trời, mọi khó khăn thuận lợi trong bảo vệ cây trồng đều nhờ vào trời cả thảy. Có thể nhìn thấy trên các sườn đồi người dân tộc thiểu số xứ Quảng đốt nương lấy đất, vì độ dốc lớn nên mưa xuống tạo nên sự xói mòn, đất trôi làm cho độ phì nhiêu cũng không còn mấy, lại khi nắng nóng đổ xuống, đất khô xốp nên năng suất lao động không cao được, sản lượng thấp. Chính tập tục này đã làm cho các tộc người miền núi xứ Quảng thường xuyên thiếu thốn, việc có lương thực để

giáp hạt là rất khó khăn. Bên cạnh tục lệ, các dân tộc thiểu số thường chuộng lồi du canh du cư nên cuộc sống do đó càng khó khăn hơn.

Nay, với công cụ lao động phát triển phong phú, đa dạng, phương thức sản xuất nông nghiệp phát triển nhưng việc chậm thay đổi lề lối canh tác nương rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số vẫn là trở ngại chính trong việc xoá đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Nam, Đà Nẵng. Các tập tục cũ vẫn còn duy trì đã chi phối không nhỏ đến tình hình nâng cao năng suất cây trồng, con vật nuôi của các đồng bào dân tộc thiểu số.

Đối với người Quảng miền xuôi, bắt mọng xong là chuẩn bị ruộng cấy, công việc này thường dành cho nam giới vì đây là công việc nặng nhọc và cần nhiều kinh nghiệm, nhưng chắc chắn rằng cần nhiều sức lực hơn cho việc cuốc cày nên đàn ông lo liệu. Gặp phải ruộng cạn phải cuốc sâu hoặc có trâu, bò phải cày sâu. *Cày sâu cuốc bẫm* là thành ngữ quen thuộc nhắc nhở nhau vào mỗi dịp chuẩn bị vụ mùa trong tục làm đất của người dân đất Quảng. Ruộng khô, mùa nắng sau khi cày hoặc cuốc bằng cuốc bàn, xong, trở nước vào ngâm cho đất tơi ra dẻo sền đoạn phải lùa trâu hoặc bò, nếu không có trâu bò bừa tự người nông dân phải dùng cuốc bang mặt ruộng bằng phẳng, dễ cấy.

Đồng bào dân tộc có chu kỳ sản xuất bắt đầu bằng việc tìm đất, đất phải là đất tốt, phù hợp¹. Miếng rẫy phải nằm nơi lưng chừng núi, có độ nghiêng tương đối (30 – 35⁰), đỉnh núi thường có tục để cây xanh, giữ nước, tránh sự xói mòn khi những cơn mưa núi kéo về. Đất được chọn phải mịn, ít những tảng đá lớn, theo quan niệm của đồng bào vùng cao đất có màu đen, hoặc nâu xốp và có nhiều ổ giun ụ là đất tốt, có thể trồng tía được. Đôi khi vào tận rừng già, chọn một miếng đất có cây to, ít dây leo mọc. Đây là mảnh đất tốt. Họ phát một khoảnh trống, đứng nghiêm trang và khẩn với các lực lượng thần rừng, thần núi: “*Hỡi các vị thần, các ngài hãy cho phép chúng con phát rừng làm rẫy, hãy thương xót chúng con, cho phép chúng con làm nương rẫy, hãy cho chúng con sức mạnh và có*

¹ Huyện Nam Giang có 16 loại đất: đất đỏ vàng đỏ trên đá sét và biến chất; đất đỏ vàng trên đá mác ma acid; đất vàng nhạt trên đất cát; đất phù sa bồi tụ; đất đen carbonnat; đất màu đỏ trên đá vôi; đất màu xám trên macma acid và đá sét; đất màu vàng đỏ trên đá granit; đất màu vàng trên đá sa thạch; đất màu đỏ vàng phát triển trên đá sét và biến chất; đất màu tím trên sản phẩm sa thạch tím; đất còn cát trắng vàng và đất xói mòn trên đá. Theo *Lịch sử huyện Nam Giang*, Sở VH-TT Quảng Nam, 2003. Tr 11,12.

những giấc mơ đẹp”. Xong, họ về nhà, đêm ngủ nếu thấy giấc mơ đẹp như gặp trời nắng tốt, được của quý... còn nếu trong giấc mơ thấy điềm xấu như mất của, gặp thú dữ... thì xem như thần không cho chọn. Sau đây là mùa phát nương, đốt rẫy (chậm nhất là trước cơn mưa đầu mùa), cuộc lật (cán cuộc không dài, thường phải khom người) đất lên, trộn tro đốt nương được đều, phơi nắng cho bay bớt chất độc có trong đất, làm cho đất được sạch cỏ và đất xốp, đến chuẩn bị tĩa hạt giống. Tĩa có 2 cách: một là một người đàn ông đi trước, hai tay nắm hai cây được vạc nhọn, người Cơ tu gọi là chà nạch, người Co gọi là gay da mul, đi theo đường thẳng, chột lỗ xuống đất, lỗ cách nhau chừng 40 cm, sâu vừa phải và tùy theo đất xốp hay cứng; người đi sau (thường là đàn bà) bỏ vài hạt lúa (bấp) vào lỗ và hai chân bước đến lấp đất lại. Cách khác, có thể dùng cày, trâu bò kéo thành những rỗng dài, người đi sau dùng tay bỏ lúa hạt xuống rỗng cách quãng theo bước chân và lấp đất lại, chừng 3 ngày sau, hạt giống nảy mầm, từ đây lúa bắt đầu lên xanh, cách quãng thời gian nhất định có làm cỏ, chăm sóc và thu hoạch. Làm cỏ được chia thành 2 đến 3 lần trong mùa. Tục phân công việc làm cỏ cho phụ nữ, người già và trẻ em. Thanh niên trai tráng chỉ bảo vệ lúa bằng cách làm hàng rào, trồng cọc, đặt bẫy, chống các loại thú rừng phá hại và đôi khi tổ chức những cuộc đi săn đuổi thú.

Tập tục người dân miền núi thu hoạch lúa không dùng liềm cắt, hay giăng đê gặt mà dùng tay để tuốt lúa vì cho rằng cắt lúa sẽ làm động đến Thần lúa, sẽ đau Thần lúa. Thần lúa thường ngự quanh cây lúa tạo nên những bông lúa no đầy, liềm hay giăng sẽ làm đau hồn lúa, hồn do đó có thể sẽ bỏ đi nơi khác. Mùa sau sẽ không ai trông nom chăm sóc, lúa sẽ không cho hạt được. Đây là tập tục mang sắc thái tín ngưỡng của người dân nương rẫy. Tập tục tuốt lúa gắn liền với sản xuất nông nghiệp của đồng bào vùng cao Quảng Nam, Đà Nẵng.

Tĩa lúa đối với người Xê đăng rất quan trọng nên phải có lễ² trước khi tĩa. Vào thời gian tĩa lúa, có rước hồn lúa nghiêm trang. Lễ nhằm đề cao vai trò của thần lúa. Bà chủ lúa là người chăm sóc hồn lúa. Khi lên rẫy, mang gùi lúa đi theo được xem như có hồn lúa đi theo, các vị chủ lễ tĩa lúa mang ná theo bảo vệ hồn lúa vừa đồng thời giữ bà chủ lúa.

² Lễ Sráp chơi: lễ tĩa lúa.

Người dân tộc miền núi chọn lúa rất kỹ lưỡng, hạt giống phải to, chắc cứng. Lúa giống thường được treo trên giàn bếp, do bà chủ lúa bảo quản. Tục người Cờ tu cho rằng mỗi gia đình đều có bà chủ lúa giữ lúa, đây là vị nữ thần có nhiệm vụ giữ lấy hạt lúa giống, phân phát cho các thành viên trong buôn, bản. Người Xê đăng gọi người đàn bà giữ lúa là bà *chủ nóc*, thường ngủ ở bếp, không chồng hoặc có thì mang chồng về nhà ở với mình như cách ở rể của người miền xuôi. Giống lúa được chọn vào buổi chiều trong ngày có nắng. Nắng to làm cho hạt lúa khô, bốc hết hơi nước, không bị ẩm mốc. Người Co thường trồng tía phổ biến các loại giống lúa: *ba ul, ba nhe, ba xanol, ba răk, ba lóp, ba kabol, ba chiok nhet (nếp đỏ), ba nao*. Người Xê đăng chọn loại giống cổ truyền: *pdăm, ptăm...* Người Giẻ Triêng chọn phổ biến các giống lúa tẻ: *măng may, măng cha, măng mắ, măng lông xo, măng che, măng chook, măng hook*.

Theo thói quen hàng năm cứ đến tháng 10 – 11 đồng bào các dân tộc đi chọn đất, chọn xong, ra giêng vào tháng 1 – 2 là phát rẫy. Dụng cụ phát rẫy là rựa cán dài, dao phát, rìu chặt cây gốc lớn. Phát quang bụi lùm, dây leo các loại đến chặt các loại cây lớn. Phơi khô vài hôm rồi đốt. Mùa tháng giêng trời quang, mây tạnh việc đốt rẫy làm nương có thuận lợi. Mùa này trên các sườn núi thuộc huyện Đông Giang, Tây Giang, Hoà Bắc, một vài thôn xã Hoà Phú, huyện Hoà Vang khói từ các sườn núi um lên như mây. Đây là mùa làm nương phát rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số. Mùa làm nương có thể kéo dài đến tháng 4 – 5. Sau đây họ trồng bắp trước khi mùa mưa ập đến, làm được thế mới tranh thủ được hai vụ bắp trong năm, nếu không chỉ một vụ mà thôi. Tháng 6 là mùa tía lúa, đến tháng 7 – 8, người dân miền núi làm cỏ lúa, đồng thời thu hoạch vụ bắp đầu mùa, sau đây dọn sạch đất tía thêm một vụ bắp nữa. Tháng 9 – 10 là bắt đầu mùa thu hoạch lúa. Do thời tiết tiểu vùng trung du chênh lệch nhau không nhiều nên đồng bào các dân tộc thiểu số có thói quen thực hiện lịch thời vụ lệch nhau không đáng kể.³ Dù thế nào, vụ mùa các dân tộc miền núi cũng kết thúc trước khi mùa mưa lũ đến. Để có thêm lương thực, các dân tộc thiểu số có tập tục trồng xen cây bắp chung cùng với cây lúa, bên cạnh là các loại cây khác được trồng chung quanh rẫy như khoai, đậu, mè, các loại rau khác. Tuy thế, dân tộc Xê đăng lại không gieo xen bắp với lúa. Người

³ Người Sê đăng: tháng 1,2 chọn đất; tháng 3,4 phát nương, đốt rẫy; tháng 4,5 tía hạt; tháng 9,10 thu hoạch.

Xê đặng cũng không trồng khoai sọ tại miếng đất thiêng, nơi được cho là nuôi dưỡng hồn lúa do tự tay bà chủ lúa chăm sóc.

Tục người Cờ tu khi chọn đất làm rẫy phải dựa vào sự chỉ bảo của thần linh. Điều này căn cứ vào giấc mơ của chủ nhà (chỉ mơ vào mùa chọn đất), hoặc cúng bái, xin quẻ. Để chọn rẫy mới người Cờ tu thường chọn các ngày mồng một mồng hai, mồng ba và mồng bốn các ngày trên được cho là tốt cho việc tìm rẫy mới (*choóc*) để phát, trồng các loại rau ăn lá, cây dùng thân, và dựng nhà cửa đều được. Nếu sinh nở nhằm vào các ngày trên đều cho là tốt. Người Bh' nông không chọn đất có xác thú chết, đất bị sét đánh. Trước khi quyết định chọn đất nhờ đến thần chỉ bảo giúp bằng cách đào cái lỗ sâu chừng 10 cm, bỏ 3 hạt gạo xuống đáy lỗ, dùng lá ngải đắp lên, lấp sơ một lớp đất. Ngày hôm sau, bới lên quan sát thấy 3 hạt gạo không xô dịch như thế là thần linh đã đồng ý cùng chủ nhà. Miếng rẫy được chọn từ đó.

Đối với miền xuôi, cuộc ruộng xong, ngâm nước cho đất mùn. Khi mộng đã có thể cấy được, người nông dân lại ra đồng nhổ mộng, cấy lúa. Mộng được nhổ lên khỏi rò, đặt thành từng nhóm nhỏ vừa tay, dùng tay nắm chùm mộng, co chân, đập chùm mộng vào chân cho đất dính trong bộ rễ rơi ra. Thao tác như vậy gọi là *đập mộng*. Đoạn, cứ vài ba chùm được người nông dân nhập lại thành một bó vừa tay cầm, dùng lạt ghém cột chặt. Những bó mộng có ngọn tốt phải dùng lưới giăng cất bớt phần ngọn nhằm hạn chế bớt sự thoát hơi nước làm cho lá mộng có thể khô héo. Đặc biệt qua đó cũng loại bỏ được phần nào các loại sâu rầy bám trên đọt lá.

Mộng nhổ xong được gánh về nhà trải đều từng bó trên sân dưới bóng râm, nhằm giải tỏa bớt độ ẩm có thể làm cho mộng bị úa vàng. Nếu cấy ngay thì không phải nhúng mộng xuống ao, còn nếu phải để sang hai, hay ba ngày người nông dân đặt mộng xuống ao có nước nhằm giữ mộng tươi được lâu hơn. Gặp nơi không có ao nước phải dùng gàu gánh nước, tưới lên mỗi bó mộng. Cách làm này cũng giữ được mộng tươi lâu.

Công việc cấy lúa được phân công cho người phụ nữ. Tùy theo cách thuận tay, người phụ nữ nắm ngang thân bó mộng, tay nắm mộng chống trên đầu gối cho đỡ phải mỏi lưng. Cứ vậy đi theo hàng, lối, những người

thợ cấy tước mộng từ trong bó, dùng ngón tay cái và ngón trỏ nắm ngay vào gốc rễ cây mộng cấy xuống ruộng. Khi đặt cây mộng xuống ruộng xong, xem như là một cây lúa. Ban đầu trông cây lúa sưa sốt như cây tằm hương nhưng vài ba ngày sau lúa bén rễ lấy lại sức và xanh rất nhanh trên đám ruộng. Mười lăm ngày sau, chúng trở thành những bụi lúa xanh mượt trên đồng.

Tát nước

Cây mộng xuống đồng xong phải chuẩn bị tưới tiêu nước cho lúa, bắt đầu từ đây việc dẫn thủy nhập điền phải được đặt ra. Bằng nhiều hình thức khác nhau, xưa chủ yếu dựa vào sức người là chính, có nơi lúa cấy trên những cánh đồng cao, người nông dân phải đi trở nước. Nước được lùa dần vào kênh, mương, xong chứa vào ao hồ cạnh ruộng, đoạn dùng gàu sòng tát nước vào ruộng. Gàu sòng chỉ có thể giải quyết nhu cầu cung cấp nước cho những đám ruộng gần sông, gần bầu, vũng mà thôi. Gặp bờ sâu phải dùng gàu giai tát nước lên đở vào ruộng, đôi khi tranh thủ còn dùng gàu ba gàu tư cùng tát một lượt.

Về sau có thêm xe trâu, xe đạp nước. Hai loại xe này do ông Phạm Phú Thứ, người làng Đông Bàn, xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, sau khi đi ra nước ngoài đã bắt chước làm theo kiểu xe nước Ai Cập và được sử dụng rộng rãi tại xứ Quảng cho đến những năm đầu thế kỷ XX mới có xe gió, một thời gian sau khi khoa học công nghệ được áp dụng vào đồng ruộng, tục tát nước ngày, đêm của người nông dân dần dần chấm dứt.

Tục hạ điền

Quảng Nam xưa kia phát triển kinh tế thuần nông nghiệp nên việc chọn thời vụ thích hợp để tiến hành cày cấy, gieo trồng là cần thiết bắt đầu bằng lễ thượng điền. Có được một vụ mùa tốt, sản lượng cao người dân đất Quảng cũng còn nhắm vào các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Vì thế nên trước khi thượng điền lên đồng đồng cày cấy. Xong một mùa vụ có lễ hạ điền. Trước khi có lễ xuống đồng đã tổ chức cúng Thần nông, tạ ơn thần cho một vụ mùa thắng lợi, một vụ mùa mưa thuận gió hoà, được mùa, tăng vụ. Vùng Điện Bàn, Hoà Vang, Đại Lộc trước đây tục lệ này thường xuyên được tổ chức hằng năm, mãi đến khi tư tưởng "*nông vi bản*"

không còn độc tôn nữa thì lễ tổ chức một lễ hạ điền cũng theo đó mà chấm dứt.

Tục hạ điền ở vùng đất Quảng xưa mỗi nơi tổ chức mỗi khác có nơi chỉ lễ mà không hội, có nơi tổ chức cả lễ lẫn hội. Lấy ví dụ một cách hạ điền ở vùng Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ xưa để tìm hiểu một tục lệ của thời kỳ *nông vi bản*.

Cứ vào ngày 1 tháng 10 âm lịch hằng năm (trừ những năm nhuận) các cụ ông, cụ bà và thanh niên trai tráng lực điền trong các làng trên tập trung về miếu Thần nông (có làng là miếu Tam vị, tại Cồn thần, hoặc tại một khoảng đất được cho là nơi Thần nông linh hiển) để làm lễ hạ điền bắt đầu triển khai công việc khác trong thời gian nông nhàn, chuẩn bị cho chu kỳ mới. Mỗi gia đình kể cả quan chức trong làng phải chuẩn bị một con gà trống mập mạp làm sẵn thành phẩm, một bát xôi thơm (nếp được giã thật kỹ mà không xay). Vào tảng sáng, theo hiệu lệnh bằng ba hồi trống, dân làng tập trung về Cồn thần, nơi có lăng mộ Thần nông trên một vuông đất rộng chừng một sào để dâng lễ. Trong một lễ hạ điền vùng ngoại thành Đà Nẵng như đã nói trên không có văn tế và học trò gia lễ.

Sau lễ hạ điền tại miếu Thần nông, người dân trong làng tiến hành họp dân tại đình làng, bàn về việc làm nương rẫy, trồng các loại khoai lang, khoai chí, khoai từ và tiến hành chăm sóc hoa màu và các loại cây trồng khác. Họ tập trung tại đình làng và ngày tế lễ, trao đổi kinh nghiệm và tổ chức hội vui chơi trước khi cất đặt dụng cụ nhà nông. Làng Đông Bàu (Phong Lệ) chuyển sang nghề cáo hén. Nhiều làng khác chuyển sang trồng dâu, nuôi tằm, ... Một số nơi lên rừng đốn củi mang ra chợ bán. Tại đình người ta còn bàn với nhau chuyện hành chánh của làng, chuyện đánh lộn, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện chửi bới nhau trong xóm, chuyện nhà cháy, chuyện kiện thưa, trộm cắp... chuyênụ con cháu học hành đỗ đạt thành danh. Nhưng nổi lên vẫn là chuyện làm ăn nông tang cày cấy, dân làng lại bàn đến chuyện giống má, loại chịu úng, loại chịu hạn, loại giống cho năng suất cao... Tại đây người dân trao đổi giống lúa, khoai, sắn, bí, bầu cho nhau, ai có loại giống tốt, năng suất cao được nhiều người thăm dò trao đổi. Họ thoả thuận nhau một cách bằng lòng, vừa ý. Đây được xem

như một hợp đồng bằng miệng không có công chứng, thế nhưng trong nhân dân luôn giữ được lời hứa, sao cho đến sau ngày 23 tháng 10 âm lịch tất cả đã được trao đổi như hợp đồng để có cây, con giống bắt đầu một vụ mùa mới.

Hội vui chơi còn kéo dài suốt cả đêm, thông thường các hình thức như hát hò khoan đối đáp, thi đấu võ trong thanh niên nam nữ, đấu vật trong giới lão ông, đẩy cây, kéo co... đến sáng mới giải tán.

Sau lễ hạ điền, người nông dân vùng ngoại thành Đà Nẵng: Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ, Miếu Bông... bắt đầu chuẩn bị cho một vụ mùa mới với hy vọng sẽ được Thần nông giúp đỡ cho một vụ thu hoạch khoai lúa đầy nhà.

Trong hai tháng sau hạ điền, người dân trên khắp cả xứ phải tranh thủ thời vụ, trông và chăm sóc các loại hoa màu phụ, không một đám thổ nà hay đất cồn nào bỏ không, nếu bỏ trống, chủ đất, ruộng sẽ bị làng bắt phạt, bởi như thế dung túng cho chuột bọ sâu rầy ẩn nấp phát triển phá hại mùa màng cho vụ cây cày sau. Vì thế những ngày mùa là rất bận rộn, vẫn công, đôi công diễn ra tuy như bình thường song rất khẩn trương từ trong nhà ra xóm đến làng.

Xong vụ, đến tháng Chạp, các làng lại tiến hành lễ thượng điền, sau lễ thượng điền, làng cất cử người kiểm tra không một thửa ruộng nào là không được cấy.

Tục thượng điền

Tục thượng điền trên xứ Quảng, có nơi thực hiện, có nơi bỏ qua lệ này. Tục còn tùy theo làng, làng khá giả tổ chức luôn, nhưng làng kém quá thì thôi, không nhất thiết phải có lễ thượng điền. Sau khi vào vụ cấy chính (đông – xuân) xong, các vị lý trưởng, hương kiểm và các vị cao niên trong làng xem xét, kiểm tra còn thửa ruộng nào chưa cấy thì đôn đốc cấy lúa cho bằng hết, do đó không một đám ruộng nào không được gieo cấy. Lễ thượng điền không có hội, chỉ có lễ gồm xôi, gà, rượu cùng với hương đăng thanh chúc là đủ. Người đầu làng, đại diện cho dân làng làm chủ tế, tạ ơn Thần nông giúp cho người dân bắt đầu một mùa thắng lợi, bội thu. Sau lễ thượng điền xem như người nông dân thường xuyên cái cày

cái cuốc trên tay trong suốt vụ mùa. Cày cuốc, tát nước, *làm cỏ bỏ phân* đánh đuổi chuột bọ, sâu rầy là công việc thường xuyên. Các loại nông cụ khác từ giàn chuồng trâu, chuồng bò hoặc chuồng heo mang ra sửa chữa, chuẩn bị cho mùa lúa. Sau lễ thượng điền, ngoài việc chăm sóc cây lúa lại còn có tục thăm đồng vào mỗi chiều hoặc mỗi sáng, phần nhiều là tục thăm chiều, quan sát sức lớn lên của cây lúa thế nào để có phương thức thích hợp, giữ cho cây lúa không bị hư hại, úng hoặc khô nước.

Lễ bắt đầu bằng việc người hội chủ đội mũ lễ sinh thay mặt dân trong làng đứng ra hành lễ, dân làng đứng quanh lăng mộ (hoặc miếu thần) để nghinh lễ. Chước tửu tuần thứ nhất đã qua, sắp đến tuần rượu nhì, bộ phận tư lễ cho đốt một phong pháo mừng thần giáng. Xong tuần rượu thứ nhì, ông hội chủ bước xuống ruộng gần nơi hành lễ cấy tượng trưng chừng 4 mét vuông ruộng với năm bó mộng (mạ) vừa tay, (năm bó mộng tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) sao cho sau khi cấy mộng còn thừa mới tốt. Diện tích cấy trong buổi hạ điền này được dân làng giao cho một người nào đấy quản lý, chăm sóc, đến khi gặt hái mang về cất giữ mãi đến cuối tháng 8 âm lịch, làng có lệ cúng cơm mới lại đem số lúa này xay giã nấu thành cơm dâng lễ cơm mới tại miếu Thần nông. Lễ này có các thành phần dân cư trong làng tham dự.

Người Xơ teng ở Nam huyện Trà My, Quảng Nam có tục thượng điền bằng lễ *ăn lúa giống*, đây là một tập tục giống như người Kinh cúng Thần nông trong tục thượng, hạ điền. Tục ăn lúa giống gọi là *Pria cheng*, tính chất lễ như lễ thượng điền của người Kinh. Vào đầu tháng 6 khi những miếng ruộng bậc thang phủ một màu xanh của lúa non, trên nương rẫy cũng đã gieo, tĩa xong là thời điểm thích hợp cho tổ chức ăn lúa giống. Vị già làng thông báo cho toàn thể trong sóc (làng) chuẩn bị tổ chức ăn lúa giống mừng cho việc hoàn thành một vụ mùa mới. Lễ ăn lúa mới không tổ chức tại nhà cượt (nhà rông) mà được tổ chức tại mỗi gia đình, sau đó mới tập trung vui chơi cả làng tại nhà cượt. Dụng lễ vật gồm một con gà trống tơ và một ít lúa giống còn lại sau khi đã gieo tĩa xong mùa vụ.

Từ mờ sáng, khi sương núi chưa tan, cả làng – sóc – nghe âm thanh thì thục của tiếng chày giã gạo lúa giống thành gạo, trong khi đó một vài thành viên trong nhà mang ống lồ ô lên máng nước rìa làng lấy nước về

nấu cơm, làm thịt gà cúng Thần Lúa và Thần Mặt trời, Ông Đất⁴. Lễ cúng xong, cả nhà quây quần bên bếp lửa thưởng thức mỗi người một nắm cơm giống; đồng thời mời láng giềng đến nhà mình chung vui, uống rượu, múa, nhảy (con trai) và kể chuyện. Tại đây thế hệ trẻ được bày vẽ luật tục, biết về tổ tiên mình, nghe kể những câu chuyện cổ về thành lập làng, giữ gìn nóc, huyết thống... Đây cũng là dịp các đôi thanh niên nam nữ tìm hiểu nhau, họ cất lên tiếng hò đối đáp qua làn điệu *ting ting* đặc trưng của dân tộc Xơ teng⁵.

Cuộc vui ăn lúa giống của người Xơ teng kéo dài đến hết ngày hôm sau thì dừng.

Tục đảo võ (cầu mưa)

Từ xưa tới nay, người nông dân nước Việt đều trồng cây lúa nước là chính, đó cũng là nguồn lương thực chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp của mình. Mà nói đến cây lúa tức là nói đến nước, nếu không đủ nước, cây lúa sẽ không phát triển. Kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp được đúc kết rằng *nhứt nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*. Cho nên sống trên vùng đất xứ Quảng miền Trung luôn khô hạn vào mùa hè, úng ngập vào mùa mưa, người nhà nông phải lao tâm khổ tứ để duy trì nguồn nước cung ứng cho cây lúa sinh sôi nảy nở, bởi thế mới thấy cái khổ của nhà nông xứ Quảng, thiếu nước quá cây lúa cũng chết, mà thừa nước quá cây lúa cũng tàn. Trước đây việc tìm ra nguồn nước hoàn toàn lệ thuộc vào thiên nhiên, hàng mấy tháng trời không một giọt mưa, đau buồn trước sự nghiệt ngã của hạn hán, người dân chỉ biết than trời, khi con người bất lực thì họ phải bằng mọi cách tìm đến phép màu từ các đấng thần linh, thiêng để phù trợ cho họ được mưa thuận, gió hòa, cho mùa màng bội thu, có cái ăn, cái để... Phải chăng chính vì thế mà lễ Cầu mưa của nhà nông đã ra đời.

Đây là tục lệ lâu đời gắn liền với sản xuất nông nghiệp. Đảo võ là cầu với thần để xin một việc gì. Tục có từ lâu đời không chỉ tại xứ Quảng mà cả ở các tỉnh miền Trung. Xưa người nông dân xứ Quảng sau khi cấy trồng xong vẫn phải chờ nước trời mưa xuống nên việc tưới tiêu cho ruộng là hết sức vất vả. Đây còn là vùng đất thường chịu nhiều thiên tai, bão lũ,

⁴ Tập tục người Xơ teng coi trọng Trời và Đất như hai vị thần tối cao của họ.

⁵ Dân tộc Xơ teng là một nhóm của tộc người Xơ đăng.

hạn hán kéo dài, thời tiết khắc nghiệt, các nghề nông tang thường bị mất mùa, đói kém. Súc vật, chim muông, cây cối, lúa má, sắn khoai, bắp đều chết cháy; các ao hồ, sông, suối đều khô nước. Người dân gặt hạn tìm cây chuối vắt nước ra uống, chặt cây chặt chiều, hoặc uốn cong đọt tre non chặt ngọn để lấy từng giọt nước uống. Gặp phải năm hạn hán tháng 7 tháng 8 kéo dài, trong dân gian thường ví *Tháng tám năm trái bưởi*, đây là tháng giáp hạt nên thường bị thiếu ăn nhất là năm gặp hạn. Con người cầu mong trời đất *vũ thuận phong điều* nên mở lễ hội cầu mùa như *Phong Lệ mục đồng Giáng Đông đầu vật* mong mưa thuận gió hoà, bốn mùa gieo hạt, trồng khoai, cày cấy, gặt hái được mùa no ấm, làng xóm yên vui. Xứ Quảng có năm hạn hán kéo dài suốt bốn năm tháng không có giọt mưa nên người đứng đầu làng phải đến đình làng ăn chay ngủ đất ba ngày đêm để cầu cho mưa thuận gió hoà. Tục như thế gọi là *đảo võ*. Các tộc họ lớn là tiên chỉ trong làng luôn có trách nhiệm trong việc cầu mưa cho dân. Tại đình, các vị đại diện chư phái tộc các vị ngũ hương và bộ phận tư lễ xin được động thần khởi cỗ, kiền dụng kim ngân, hương đăng thanh chước lễ vật tư thành cầu với thần linh, trời đất bỏ qua cho những điều vi phạm của những vị đầu làng mà ra ơn ban cho muôn loài phước đức mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt.

Hoặc phải dựng một chòi tranh trên một khoảng đất cao, xa làng gọi là “Chòi đàn”, bốn cột là bốn cây tre to. Trên đặt chiếc chõng tre cột chặt vào bốn cây cột. Chòi bốn mái che, lợp tranh rạ, ba vách che tranh kín, chỉ còn mặt trước chòi. Trong chòi đặt bàn hương án cầu trời. Người được cử thay dân làng đảo võ phải được dân làng ưng thuận, thường là người già nhất làng, có uy tín hoặc ông chủ tế của làng, của tổng hoặc một ông sư có tài cao đức trọng. Trước khi lên ngôi “chòi đàn” phải tắm rửa sạch sẽ, ăn chay, ngủ đất ba đêm, có người trông coi hăng hoi. Đến ngày thứ ba (có nơi đến ngày thứ mười) mặc quần áo đỏ, đầu bịt khăn, lưng thắt dải vải điều lên ngôi trên “chòi đàn” cầu mưa.

Suốt những ngày đảo võ, chỉ uống nước cầm hơi. Phía trước chòi đàn có một khoảng đất trống gọi là sân đàn, người ta bắt một cái thang bằng tre lên chòi, rồi mang đi nơi khác. Khi nào trời mưa, họ mới mang thang đến cho vị chủ tế đảo võ xuống cùng vui tắm mưa với dân làng. Tục gọi là *Bắc chun thang*.

Khi vị chủ tế ngồi lên chòi đàn, trống chiêng nhạc lễ vang lên. Tại sân đàn, các cô gái làng được tuyển chọn, tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc gọn gàng ngồi một vòng quanh sân, họ lay trời, lặn vật vữa dưới đất, giơ tay lên trời xin trời mưa, há hốc mồm như đói khát, cầu trời mưa xuống. Theo đó ca dao xứ Quảng có câu:

*Trời làm hạn hán
Nước biển mặn mòi
Vác móng mà xoi
Cũng không có nước.*

...

Nhưng đảo võ cả ba bốn ngày rồi mà trời vẫn không mưa, người dân lại than:

Bắt chun thang là tan lưới cày!

Đôi khi sau bốn năm ngày đảo võ, trời bỗng sấm chớp liên hồi, mây đen từ phía đông ùn ùn kéo tới. Trời mưa! Từ sân đàn và khắp nơi trong làng, người lớn lẫn trẻ em nhảy múa, vui mừng thích thú tắm trong mưa. Các cụ già ngửa mặt lên trời cầu khẩn, tạ ơn trời đất. Một cơn mưa to trút xuống mấy ngày đêm, ruộng đồng, sông suối, ao hồ tràn ngập nước. Người dân sung sướng ra đồng! Lễ đảo võ thành công!

Từ tục đảo võ, trẻ em chẵn trâu mừng vui sáng tạo ra trò chơi gắn với đồng dao với điệu hát *Bắt chun thang* độc đáo: Chừng 10 đến 12 em đứng thành vòng tròn, hai tay giang ra bắt lên vai bạn đứng cạnh tạo thành một vòng tròn, chân dậm thình thịch theo nhịp bài hát. Vòng tròn thứ hai xếp vào trong nhỏ hơn. Lúc vòng ngoài ngồi xuống thì vòng hai đứng lên hai vai vòng ngoài, xong rồi vòng ngoài đứng lên thành ra hai tầng, vừa hát các em vừa dậm chân khoẻ khoắn, tiếng xô *dó dậy* vang lên. Một em cầm cành lá, hoặc chiếc nón lá từ dưới đất trèo lên tạo thành tầng thứ ba đứng phất nón, cầu trời mưa!

*Trên trời nghe rõ,
Làm sấm làm mưa
Làm mùa bát ngoạt⁶*

⁶ Bát ngoạt: tháng tám.

Là dó dậ!

(Cái kẹ) Bắc chun thang⁷ (con xô) là dó dậ

Vang như sấm là dó dậ

Dậm bốn phương là dó dậ

Vô rường⁸ mạnh mẽ là dó dậ

Sấp trẻ chẵn trâu là dó dậ

Đi lâu càng bền là dó dậ

Đi trên mặt nước, đi trước hàm rồng

Là dó dậ

Ông đi có công, bà đi có mỗ là dó dậ

Trên trời nghe rõ, làm sấm làm mưa, làm mùa bát ngoạt (xô)

là dó dậ ! Là dó dậ !

Trò chơi như vậy đã trở thành thói quen của trẻ em xứ Quảng xưa kia, mà thói quen đã trở thành tập quán trong lễ đảo võ thời trước. Nay, vài vùng trên đất Quảng dọc theo các bãi sông trẻ em vẫn còn phổ biến trò chơi này.

Cũng giống như lễ Cầu mưa ở một số địa phương khác, lễ Cầu mưa của người dân xứ Quảng không khác về nội dung và cách thể hiện, riêng lễ Cầu mưa ở Tiên Phước thì có nét đặc sắc hơn ở những nơi khác tại Quảng Nam. Từ thuở mới khai hoang lập đất, những năm hạn hán kéo dài, lễ cầu mưa được tiến hành tại chùa Tú Sơn, vì nơi đây gian chính giữa có thờ ba anh em Lưu Bị - Quan Công - Trương Phi, còn gian bên cạnh thờ hai anh em Lưu Bình - Dương Lễ. Tương truyền rằng người dân Tiên Phước tin rằng làm lễ Cầu mưa ở đây thì rất thuận ý trời, vì nơi đây thờ phụng các anh em kết nghĩa, gắn bó keo sơn, là hiện thân của sự thương yêu đùm bọc nhau, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ thì sự hỗ trợ của các vị thần này cũng hiệu nghiệm hơn, đáp ứng được sự cầu mong của những con người cực khổ đang sống trên cõi đời.

Chùa Tú Sơn là một ngôi chùa linh thiêng, trước đây chỉ năm nào hạn hán quá lớn thì người dân tới đây làm lễ cầu mưa, và họ đã được toại

⁷ Bắc chung thang: bắt thang lên hỏi ông trời.

⁸ Vô rường: giàn để khiêng quan tài

nguyên vì sau đó, những cơn mưa trút nước đã tưới xuống ruộng đồng nứt nẻ khô cạn, đem lại sự hồi sinh cho cây lúa.

Chủ lễ là một thầy cúng được làng mời về hành lễ theo nội dung cúng cổ truyền do các vị chức sắc trong làng biên soạn, chuẩn bị hết sức chu đáo.

Lễ vật trong lễ Cầu mưa ở Tiên Phước toàn là hoa quả thiên nhiên, không có thịt động vật. Vì người dân cho rằng hoa quả là thứ ở trên cành cây cao ráo, sạch sẽ không bị dơ bẩn, ô uế như thịt động vật, như vậy cúng thần thánh sẽ linh hơn. Trên cá mâm hoa quả, thầy cúng đặt những tờ bùa với nội dung cầu xin mưa gió thuận hòa, an lành cho cuộc sống của dân làng, sau khi cúng xong, tờ bùa được đem đốt thành tro, tro bay lên se mang theo thông điệp của dân làng gửi lên xin Ngọc Hoàng -Thượng Đế cho trời đổ mưa xuống, cho hạt lúa khoẻ mạnh lớn nhanh, cho dân làng có đời sống ấm no, hạnh phúc.

Tục cầu bông (cầu mùa)

Tục đảo võ xong, người dân lại quan tâm hơn nữa cho cây lúa nên khi lúa ngã đòng đòng lại lo tổ chức lễ tục cầu bông. Cầu bông là một nghi lễ nông nghiệp có từ xa xưa tại các địa phương đất Quảng, tuy nhiên cách thức tổ chức lại hoàn toàn khác nhau giữa các làng, xã, huyện. Tại làng Trà Quế chuyên trồng rau xanh các loại lại có lễ hội cầu bông mong cho rau cỏ tươi tốt quanh năm. Tại một số địa phương khác, lễ cầu bông được tiến hành nghi thức cúng kết hợp cùng lúc diễn ra lễ kỳ yên của làng hàng năm vào dịp đầu xuân. Bởi vì trong một chu kỳ canh tác, lễ hạ điền thường mở đầu cho mùa cày cấy mới, lễ mừng cơm mới kết thúc một vụ mùa thì lễ cầu bông được tiến hành khi lúa đã lên đòng đòng và sắp sửa đơm bông.

Vào thời điểm sau khi gieo cấy xong, lễ cúng cầu bông được các xóm, làng có những thửa ruộng gần nhau cùng tổ chức lễ cúng với quy mô nhỏ hoặc do làng đứng ra cúng với phạm vi quy mô lớn hơn. Lễ vật kiện dụng dâng cúng thật đơn sơ, thường là sản vật của địa phương như bánh ít, bánh chưng hương đèn, hoa quả, trà nước, rượu thuốc, hoặc thức ăn lạt... Dân làng mời một ông thầy cúng đến lo việc cúng bái, hoặc chủ lễ là vị đại diện chư phái tộc trong làng. Có địa phương kỹ hơn thì sau khi chọn được ngày lành, tháng tốt, địa điểm và hướng đặt bàn hương án

thích hợp, thì trước đó một ngày, thầy cúng cho dân làng làm một hình nhân góp vào số lễ vật dâng cúng. Ông thầy cúng phải là người có kinh nghiệm và uy tín để cúng, dân làng chọn hướng và nơi cúng, bởi vì người xứ Quảng quan niệm rằng nếu chọn hướng tốt thì cúng mới linh thiêng, mới được thần thánh phù trợ theo ước nguyện. Ngoài ra, một việc không kém phần quan trọng là dân làng tìm trong làng mình để cử ra một người am hiểu về phong tục, tập quán của làng để đảm trách việc dâng lễ như vai trò của ông thổ địa, thổ công - vị thần phụ trách vùng đất của làng. Nhiệm vụ của ông thổ địa là hộ tống và bảo vệ hình nhân trong suốt thời gian diễn ra buổi lễ.

Sự tham gia của ông Thổ địa trong lễ cúng cầu bông ở các địa phương trên đất Quảng Nam có những cách giải thích không giống nhau, nhưng chủ yếu là muốn trình bày với ông Thổ địa, nguyện vọng của dân làng là muốn được ông phù hộ, giúp cho mùa màng bội thu, cây lúa tốt tươi, đem lại đời sống ấm no cho dân làng.

Lễ cầu mùa thường được tổ chức tại các làng thuần nông nghiệp, tuy nhiên nhiều nơi trên đất Quảng có các hình thức cầu bông – tức cầu mùa – không giống nhau. Trước hết phải thấy rằng đây là hình thức ảnh hưởng văn hoá Chăm pa và văn hoá Phật giáo vào vào lễ tục cầu bông. Làng Phú Hưng nay là xã Tam Xuân 1 huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam có lễ tổ chức cầu bông hằng năm vào ngày 15 tháng Giêng. Phú Hưng xưa ước đoán thành lập làng từ cuối thế kỷ thứ XV, sau khi những lưu dân vào nơi đây lập làng xây dựng cuộc sống, khai phá đất đai lấy phương thức canh tác nông nghiệp là hoạt động chính trong phát triển kinh tế. Từ đó, dần tiếp biến lễ cầu bông từ người Chăm pa tại đây. Lễ cầu mùa từ đó mà có. Ban đầu, làng Phú Hưng có tên gọi là Tân Khương, về sau thể theo nguyện vọng của đa số nhân dân trong làng đổi thành Phú Hưng cho có ý nghĩa và đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân trong làng⁹. Khác với các làng khác mang nhiều các thành tố thuần Việt, làng Phú Hưng đứng từ trung tâm làng nhìn về hướng tây - bắc có một ngôi tháp Chăm Pa đã sụp đổ, người dân tại đây quen gọi là Tháp Một. Tháp Một là một trong những tháp nằm trong cụm di tích Chăm pa tại Khương Mỹ đã hư hỏng, đổ nát,

⁹ Cũng có người trong làng cho rằng đến thời Gia Long do phạm húy nên chuyển từ Tân Khương sang Phú Hưng cho yên ổn!

nay chỉ còn là phế tích làm chứng một thời lịch sử. Phú Hưng là một làng rộng, tứ phái Tiền hiền khai cơ của làng đã đến đất này khai phá, thành lập nên làng với tổng diện tích đất ban đầu có 455 mẫu linh¹⁰ ruộng đất công và 2.126 mẫu linh ruộng đất tư¹¹. Với một diện tích rộng lớn đáng kể như vậy nên từ rất xưa nhân dân tại đây tổ chức lễ tục cầu bông, tức lễ cầu mùa nhằm cầu mong *vũ thuận phong điều*, nhân dân no ấm.

Lễ được tổ chức ngay trên nền phế tích Chămpa Tháp Một, các thành tố trong lễ tục khác với các lễ cầu bông tại một số địa phương trên đất Quảng. Tục quy định hằng năm vào ngày rằm tháng Giêng, những gia đình trong làng có nuôi trâu bò chuẩn bị một mâm lễ vật mang lên địa điểm cầu bông giao cho ông Thủ Bồn (người trông coi hương khói đình chùa, miếu mạo) người trông coi ngôi miếu được xây dựng trên nền phế tích Tháp Một. Tại miếu, Ban tư lễ đặt các mâm lễ theo thứ tự trước sau. Mâm lễ của mỗi gia đình gồm 5 món thức ăn được quy ước giống nhau: một đĩa cá sông nướng chín, một đĩa cua luộc hoặc tôm luộc, một quả trứng vịt luộc, một đĩa rau đắng trộn ruột ốc và một đĩa xôi. Tất cả các món đều nấu lạt, không nêm muối. Mâm lễ còn có thêm vài thứ khác không thể thiếu: một gói hạt nổ (những năm gần đây), một nắm muối sống, một đoạn tre (hoặc trúc) nhỏ tạo dáng cây đòn xóc gánh lúa, hai đầu có khâu vài chiếc bánh bột nếp nắn thành dạng chiếc bánh xe.

Khi đại diện các gia đình tề tựu đông đủ tại địa điểm tổ chức lễ cầu bông, vị Thủ Bồn đốt hương, đèn, bộ phận tư văn chuẩn bị xong đầu đầy bản văn đọc trong lễ cúng Thần nông. Giờ phút thiêng nhất đã điểm, vị chủ tế bắt đầu hành lễ. Tuần rượu thứ nhất xong, chủ lễ đọc bài văn cúng, chủ yếu của bản văn làm toát lên tinh thần nhân dân cầu mong cho mưa thuận gió hoà, mùa màng không thất bát, xin với Thần nông tránh đi dịch bệnh, sâu rầy phá hại mùa màng. Lòng văn có nhiều từ ngữ Phạn trong kinh Phật và hoàn toàn khác với bài văn đọc trong các lễ cúng Tá thổ và Kỳ an, Kỳ phúc thường gặp trên địa bàn đất Quảng.

Sau khi đọc xong bản văn, vị chủ lễ dùng một ít thức ăn, hạt nổ phát chẩn rải tứ phương, đông tây nam bắc. Đoạn dùng chiếc đòn xóc và bánh xe tượng trưng giao cho các gia chủ mang về phơi khô xong đặt trong bồ

¹⁰ Hơn 455 mẫu đất.

¹¹ Theo số liệu khảo sát của Trường Viễn Đông Bác cổ vào năm Khải Định thứ IV (1919).

lúa tại nhà, giữ trọn năm với ước mong mưa thuận gió hoà, nông tang thuận lợi, lúa bắp đầy nhà, trâu bò khoẻ mạnh.

Sau lễ cầu mùa xong, thức ăn được phát chẩn cho các trẻ mục đồng ngồi quanh mâm chiếu, chỉ được dùng tay bốc để ăn tại chỗ, không một ai tự ý mang về nhà.

Sau lễ cầu mùa, người dân làng Phú Hưng xưa lại ra đồng vào những ngày nắng nóng để chăm sóc, tát nước, làm cỏ - bỏ phân, hy vọng vào một vụ mùa bội thu, no đủ, an lành ¹².

Tục bón phân

Khi chưa có phân vô cơ các loại, người nông dân xứ Quảng làm hai vụ lúa nước cứ phải trông vào phân hữu cơ. Phân hữu cơ chủ yếu là phân chuồng, phân tằm, phân xanh và được bón trong công đoạn làm đất trước khi cấy. Hoặc lúc cây lúa chuẩn bị làm đòng, có thể bón thúc thêm một lần nữa bằng phân chuồng hoi mịn, hoặc bánh dầu (xác ép đậu phụng) giã nhỏ, tạo sức mạnh cho cây lúa trở đòng, ngậm được sữa, đậu nhiều hạt và hạt không lép.

Sau thời gian bón phân, lúa lên đòng ra hoa kết trái. Khi hạt lúa bắt đầu ngậm sữa, chuẩn bị đông cứng và chín là thời điểm dễ làm môi cho chuột, nhất là các loại chim, đặc biệt chim sẻ, chúng đậu trên ngọn lúa và lựa những hạt lúa đã ngã sang vàng để xìa. Người nông dân xứ Quảng đặt bẫy, để diệt, với chim sẻ lại dùng hình nộm có thể bằng rơm rạ, bằng giẻ rách, quấn thành hình người đứng giang hai tay được cắm trên một nhánh tre tại ruộng để xua đuổi chim sẻ, gọi là *ông (bà) bù nhìn*. Ngày nay, người nông dân lại dùng chất liệu bằng ny lon, bao tời để làm hình nộm. Đầu tháng 3, lúa chuẩn bị ngã sang màu vàng, trên những cánh đồng thường bắt gặp một tập tục đuổi chim lý thú.

Các dân tộc miền núi không có thói quen bón phân trong canh tác nông nghiệp, sau khi “chột lỗ bỏ mầm” xong là xem như trông chờ vào độ phì nhiêu của đất mà không dùng biện pháp thêm thức ăn cho cây trồng.

¹² Theo lời kể của cụ bà Đỗ Thị Bào, cụ ông Nguyễn An và một số lão nông địa phương. Dẫn theo Phú Bình, Báo Đà Nẵng cuối tuần 4.5.2008.

Tục gặt lúa

Đến độ tháng ba, đồng lúa trở nên vàng là lúc lúa chín. Trong dân gian thường nhắc nhau: *Tháng giêng đồng lúa xanh già, tháng hai lúa trở, tháng ba lúa vàng*. Người dân lại mang dụng cụ ra đồng gặt lúa. Để chuẩn bị một vụ thu hoạch lúa vàng, người nông dân đốn tre non, chẻ những sợi lạt dài dùng để bó lúa gánh về nhà. Ra đồng, dụng cụ để gặt là cái giăng, đây là dụng cụ kết hợp tài tình giữa liềm và hái. Mỗi bó lúa được mùa chừng 12 tay, còn 14 tay lúa nếu gặp năm thấy bát, nhiều rơm rạ. Mỗi tay lúa có 2 lọn. Những người thợ gặt lúa khéo léo nắm trên tay, chia tay lúa làm đôi, giữa có một vài sợi lúa làm giây cột chéo qua, chia tay lúa làm hai phần tương đối bằng nhau. Lúa gặt xong được xếp thành còi và bó lại xóc vào đòn xóc, gánh về nhà. Đây là thời điểm vui sướng nhất của người nông dân khi thu hoạch lúa. Những nhà giàu, nhiều ruộng mà loại ruộng nhất đẳng điền nên phần nhiều lúa tốt, thóc nhiều thường không dùng chân để đập hoặc dùng vò để đánh cho hạt lúa rơi ra mà dùng trâu hoặc bò để đập. Tục gọi cách nào cũng là đập lúa. Người nông dân xếp lúa trên sân thành một vòng tròn, ngọn được đặt lên trên, đoạn lùa trâu hoặc bò giẫm lên. Cứ lùa bò đi vòng quanh như vậy cho đến chừng nào hạt lúa rụng ra hết khỏi cây rạ thì xem như lúa thực mới thôi. Giữa một lần đập nhả lúa có trở lúa. Đây cũng là lúc cho đôi bò, đôi trâu nghỉ ngơi lấy sức, cả người lùa bò cũng được nghỉ đôi chút. Lúa thực thì xới rơm ra riêng để lấy hạt lúa. Những hộ nông dân nào không có bò, lúa không nhiều thì dùng chân cuộc tròn tay lúa, đập mãi, lúa cũng rớt ra khỏi ché, hoặc dùng vò để đập, hoặc dùng một cái giàn đập lúa. Giàn có những thanh tre đặt thưa, chung quanh che chắn bởi một tấm phên, tạo hình cong như cái phễu lớn. Một lần hai người nắm tay lúa đập vào những thanh tre làm cho hạt lúa rơi ra. Về sau, giữa thế kỷ thứ XX mới có máy tuốt lúa, và nhiều phát minh phục vụ thu hoạch lúa đã làm cho công đoạn thu hoạch lúa ngoài đồng của người nông dân trở nên nhẹ nhàng hơn. Từ đó đưa những đêm đập lúa, đập lúa vào miền ký ức của những người già và tục hò khoan đối đáp trong lao động ngày mùa đọng lại trong những câu hò khoan xa vắng một thời.

Đối với đồng bào dân tộc Cơ tu, gặt lúa vào cuối tháng 8, đầu tháng 9 là thu hoạch lúa ba trắng, trùng với làm cỏ lúa mùa. Thu hoạch ba trắng xong đâu đấy, lúa đã vào kho thì trời đổ mưa, những cơn mưa múi và

trung du ào ạt, đàn ông sửa sang nhà cửa chuẩn bị cho mùa đông mưa gió, đan lát, sắm sửa các dụng cụ phương tiện chuẩn bị cho mùa săn bắt chim, thú: vót que nhựa bắt chim, làm bẫy, vót chông, làm thò, làm đập...đàn bà chăm dệt tấm dồ, tấm tút, đan chiếu, đan gối, dự trữ củi đun chuẩn bị cho mùa lạnh sắp về.

Tục còi rơm

Lúa sau khi đập, đập thực, cọng lúa được gọi là rơm, rơm được trải ra trên sân, trên đường làng phơi dưới nắng tháng 3 , tháng 8 cho khô. Từ đây mùi rơm rạ bốc lên thơm lừng, tràn ngập cả thôn xóm. Rơm để dành cho những ngày lũ lụt dùng làm bồi đùn, để dự trữ cho trâu, bò ăn vào những ngày mưa, những ngày không chăm được, và vào những việc khác, người nông dân chắt rơm lại thành còi, gọi là cây rơm. Dùng năm cây tre hoặc ba cây (nếu là còi rơm nhỏ) trồng xuống đất, nơi đặt vị trí còi rơm, phía trên chụm lại bằng sợi lạt cật chắc chắn. Xong, người nông dân đưa rơm vào chắt quanh cái giàn càng lúc càng cao cho đến khi hết rơm mới thôi. Lúc này đã có một *cây rơm* vàng hươm. Tục tại xứ Quảng khi còi rơm không cho bóng cây rơm ngã vào nhà mình và nhà hàng xóm, e rằng không hay trong công việc nhà nông và yên ổn đường gia đạo. Nên cứ cho họ không bị các lực lượng “khuất mày, khuất mặt” theo đó “láng” vào nhà.

Tục cúng cơm mới, xôi mới

Cây rơm mọc lên phía trước hay sau nhà là đã biết thời kỳ này người dân xứ Quảng lúa đã thu cất, yên vị trong bồ, nằm khô ráo rằm thượng. Mọi nhà đều xay, giã, sàng, sàng những hạt lúa, nếp mới đầu mùa, nấu thành những bát cơm trắng, những in xôi dẻo thơm lừng mùi hương vị quê nhà, kiên tụng lễ vật tạ ơn Thần nông, Thần lúa và các vị thần khác mà người xứ Quảng thờ kính, đã giúp cho nhà nông hưởng được vũ thuận phong điều để có được những bát cơm đầy. Và, cũng để mừng vui sau một vụ sản xuất đầy những khó khăn gian khó, mồ hôi trộn lẫn với bùn lầy như trong tư thế như người Việt đã từng:

Ai ơi bùng bát cơm đầy

Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Lễ cúng cơm mới là tục lệ sau cùng kếp lại một chu kỳ trồng lúa trong năm.

Các dân tộc miền núi Cờ tu, Ve, Co, Ca dong, Giẻ triêng...sống ven dải Trường sơn và miền núi Quảng Nam – Đà Nẵng từ bao đời nay sinh sống bằng kinh tế nương rẫy. Mỗi năm một mùa lúa. Việc được hay mất mùa đều do các điều kiện thiên nhiên về thời tiết định đoạt. Tuy nhiên người dân còn quan niệm do trời, do các thần tạo nên, chính đó, quan niệm hạn hán, bão lụt là do trời phạt, người dân muốn no đủ phải cầu trời, điều này tác động lớn đến sự no ấm, yên vui trong buôn bản.

Trong số các thần được người dân tộc thiểu số thờ thì thần Lúa được tôn trọng không kém hơn thần Nước, thần Núi, thần Cây. Đối với người dân tộc, hạt lúa có được là do thần ban phát để nuôi sống con người. Do đó, hằng năm sau khi thu hoạch xong vụ lúa, lúa đã vào bồ, vào ghé, người dân miền núi tổ chức lễ mừng cơm mới để tạ ơn thần; đồng thời vui mừng vì đã có được một mùa thu hoạch cao, vui vì nhìn thấy kết quả một vụ mùa lao động vất vả đã phải *gởi mặt cho đất bán lưng cho trời* mới có được. Cách đặt vấn đề trong tục lễ mừng cơm mới giống với người miền xuôi trong việc cúng cơm mới.

Cư dân xứ Quảng thường tổ chức lễ hạ điền (còn gọi là lễ xuống ruộng) trước mùa cấy mới để chuẩn bị công việc đồng áng nơi ruộng đồng và thường tổ chức lễ cúng cơm mới khi mùa gặt kết thúc. Đây là một tập tục có từ lâu đời tại các vùng nông thôn chuyên sản xuất nông nghiệp ở xứ Quảng.

Sau khi công việc gặt hái của nhà nông đã xong thì dân làng tổ chức Lễ cúng cơm mới để tổng kết một vụ mùa sản xuất trong năm. Trước khi tiến hành lễ, trong mỗi gia đình chọn ra những hạt lúa tròng mẩy, tốt nhất, đẹp nhất để giã ra, sàng sảy thành hạt gạo trắng trong đem vo rửa nấu, chuẩn bị mâm cơm, kính càn đặt lên bàn thờ gia tiên để dâng cúng. Gia chủ thay mặt mọi người trong gia đình trình tấu thông báo với ông bà tổ tiên về việc vụ mùa đã kết thúc. Gia chủ khẩn vái cảm tạ ông bà đã phù hộ cho mùa màng bội thu nếu năm đó cả làng được mùa, còn ngược lại mùa màng thất bát, nhà nông khốn khó thì gia chủ lại thành tâm cầu xin

cho cây lúa tốt tươi, đời sống no đủ, sức khỏe dồi dào để tiếp tục gặt hái vụ mùa năm sau thu hoạch cao hơn.

Trong lễ cúng cơm mới, ý nghĩa về một vụ mùa bội thu vẫn luôn được chú trọng với nội dung chủ yếu là: tổng kết kết quả thu hoạch cuối vụ mùa, vui hưởng những thành quả đạt được sau những khó khăn, vất vả của người nhà nông trên ruộng đồng và chuẩn bị tinh thần, sức khỏe hướng đến vụ mùa mới.

Nếu trước đây ở Quảng Nam lễ cúng cơm mới chỉ tiến hành trong nghi thức gia đình thì ngày nay lễ cúng đã mở rộng ra khỏi phạm vi gia đình, họ mời dân làng đến chơi và cùng thưởng thức bữa cơm thân mật được nấu từ những hạt gạo dẻo thơm của mùa thu hoạch mới, tùy theo khả năng kinh tế mà tổ chức với quy mô lớn hoặc nhỏ.

Người Ca dong, Giẻ triêng, Cờ tu, người Co, người Xơ đăng có những chi tiết, hình thức, kiêng kỵ khác nhau. Năm được mùa lớn, lúa về đầy nhà thì lễ mừng cơm mới được các tộc người tổ chức lớn hơn. Có năm có thêm lễ đâm trâu để tạ ơn trời đất và các thần linh. Có khi lễ được kéo dài 3 ngày như dân tộc Cờ tu.

Trồng cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày

Bên cạnh trồng cây lúa nước ở miền xuôi và trồng cây lúa rẫy ở miền ngược, người xứ Quảng còn phát triển đa dạng một số loại cây trồng khác bao gồm cây lương thực, thực phẩm như: khoai, sắn, các loại đậu, rau củ... nhằm đáp ứng nhu cầu sinh tồn của người dân Quảng. Ngoài các loại cây lương thực còn có các loại cây công nghiệp ngắn ngày như thuốc lá, mía, bông, cây dâu... lấy sản phẩm cung cấp cho các ngành thủ công, thương nghiệp.

Ngoài những cây thực phẩm được trồng quanh năm, theo lệ mùa nào rau, cây ấy, người nông dân bao giờ cũng chuẩn bị sẵn sàng hạt giống, cây giống dâu vào đó, còn có loại cây mỗi năm chỉ trồng một vụ và chỉ sản xuất khi công việc cày cấy đã xong.

Trong các loại cây lấy bột, các loại khoai lang được coi là cây lương thực chính sau lúa. *Bỏ khoai lang mang lấy nợ* là thành ngữ quen thuộc của người dân xứ Quảng. Khoai thuộc loại thân dây, bò dễ trồng, dễ chăm

sóc và có thời gian thu hoạch nhanh, do vậy, củ khoai không chỉ là nguồn lương thực quan trọng bổ sung cho bữa ăn của người dân hằng ngày mà còn là loại lương thực dùng “cứu đói” chờ ngày giáp hạt. Khoai được trồng trên hàng, khoai Trà đoã được trồng trên hàng cao ráo, vòng lớn, có thể đi lại rà khoai trên hàng được. Khoai Trà đoã là loại khoai lang nổi tiếng của xứ Quảng xưa nay. Ngoài ra có các loại khoai mắc trúc, tàu đoã, khoai từ, khoai nân, khoai môn, khoai mỡ, khoai tím. Cây lấy củ khác như cây sắn có sắn tay trắng, sắn tay đen, sắn canh nông, sắn mì lùn... và cũng vuông lên hàng để trồng.

Cây thuốc lá cũng được trồng trên một diện tích khá lớn lại là cây chọn đất rất kỹ, chỉ trồng được trên loại đất thổ nghi thì thuốc lá mới sống và cho năng suất, chất lượng được. Trồng thuốc lá là rất nhọc công chăm bón, thường được trồng ở đất loại một. Vùng Cẩm Lệ, huyện Hoà Vang thích hợp với cây thuốc lá nên sản phẩm từ nơi này được bán đi khắp các nơi và nổi tiếng trên cả nước. Các công đoạn làm đất rất cầu kỳ, đất phải bừa trang thật mịn, san thật phẳng, bón phân vừa đủ nhưng không để thiếu ă. Sau lần thu hoạch thuốc nhứt lại phải vào phân bón tiếp cho vụ sau. Cây thuốc lá ưa bón phân tằm hoặc bánh dầu ngâm nước tiểu trộn với phân trâu đã hoai, hoặc bả nhỏ giả mịn bón quanh gốc rất tốt, lá thuốc sẽ cho nhiều nhựa, hút đậm đà, thơm ngon. Thuốc lá Cẩm Lệ vì thế mà nhiều người ưa thích. Thuốc lá tại xứ Quảng, một thời là sản phẩm cho thu nhập cao, lợi tức lớn.

Ngày nay nhờ hệ thống thuỷ lợi phát triển nên nhân dân một số quận huyện sống dựa vào lúa nước và diện tích đất thổ cũng được trồng nhiều các loại cây như bắp, ớt, dưa các loại, ...diện tích trồng các loại khoai, mía, thuốc lá bị thu hẹp đáng kể. Thuốc lá Cẩm Lệ nay đã không còn sản xuất, có thể nói là đã thất truyền từ năm 1980 đến nay. Cây bông đã vắng mặt hoàn toàn tại một số vùng như Điện Bàn, Đại Lộc, Hoà vang.

Ngành nghề thủ công truyền thống xứ Quảng phát triển khá sớm và nổi tiếng với các sản phẩm truyền thống như mía đường, vải, tơ lụa.

Đất Quảng Nam nổi tiếng một thời về ươm tơ dệt lụa. Trong *Phủ Biên tạp lục*, Lê Quý Đôn viết: “Người Thăng Hoa, người Điện bàn biết dệt lụa, vóc, đoạn lĩnh, lá hoa khéo, đẹp chẳng kém Quảng Đông”. Và, ở

phủ Điện Bàn ngay từ thời chúa Nguyễn đã phải nộp lụa thuế, lụa cống phú cho Đồn quốc công và lụa biếu các quan. Dệt lụa là một nghề truyền thống lâu đời của phủ Điện Bàn, các huyện Duy Xuyên trong đó nổi tiếng nhất là 6 xã Gò Nổi, Điện Minh, Điện Phương, Phú Triêm:

Tiếng đồn ba xã Phú Triêm

Trồng dâu có mã, ươm tằm được tơ¹³

Không những họ trao đổi những sản phẩm đẹp, kỹ thuật khéo mà còn tự mình sản xuất nguyên vật liệu như trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ. Mỗi làng chuyên một công đoạn sản xuất nên khi cần vật liệu, chỉ trao đổi cho nhau ngay tại huyện ít phải đi xa.

Xưa Quảng Nam nổi tiếng tơ lụa tốt nhờ sáng chế được bộ róc-rách gắn vào xa quay làm tơ được đều sợi và sạch, suông, khi dệt, lụa vừa mịn mặt vừa láng đẹp, vừa dễ bán lại được nhiều tiền. Đại bộ phận dân quê dùng vải thô vừa rẻ tiền mà thoả mái khi làm việc.

Theo thói quen làng xã, ngày xưa con gái phải biết việc canh cửi, may vá. Vì thế, nhà nào cũng có khung dệt vải, mang tính chất thủ công trong gia đình, một người một việc. Tuy lợi tức không nhiều nhưng với việc trồng bông dệt vải đã giải quyết được nhu cầu may mặc và góp phần thu nhập cho mỗi gia đình.

Hiện nay, với sự du nhập các loại máy dệt tiên tiến vào xứ Quảng đã cơ bản thay đổi thói quen, các tục lệ trong ươm tơ dệt lụa. Sản phẩm hiện đại ngày càng nhiều và phong phú về chủng loại và chất lượng, mẫu mã đẹp hơn trước rất nhiều, giá cả lại phù hợp nên những sản phẩm thủ công trong gia đình không còn chỗ đứng trên thương trường. Đặc biệt nghề trồng bông dệt vải đã mai một hẳn từ mấy thập niên qua. Nghề trồng dâu nuôi tằm vẫn được duy trì nhưng không còn quy mô như trước. Guồng ươm tơ đã được thay bằng guồng quay, ươm tơ hiện đại mỗi giàn có thể quay được hàng trăm mối tơ.

Rõ ràng, cuộc sống đương đại và những phát minh mới trong nghề canh cửi đã căn bản làm thay đổi phong tục, tập quán người dân xứ Quảng trong việc ươm tơ dệt lụa. Nay, thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã

¹³ Mã: tức mẫu mã. Như thương hiệu thời nay.

tiếp tục làm cho nghề truyền thống thủ công tại xứ Quảng chỉ còn phát triển trên quy mô nhỏ, một số tập tục kiêng cử liên quan đến ngành nghề như: không cho người phụ nữ đang thời kỳ hành kinh vào nơi nuôi tằm, ươm tơ, không phát ngôn có sắc thái không hay khi tằm đang nhả tơ làm tổ... đã dần bỏ cho phù hợp cuộc sống đương đại.

Những việc kiêng trong tập tục nông nghiệp

Để tiến hành cày cấy trên những thửa ruộng của mình được nhanh, thuận lợi, được mùa, người nông dân trên đường gánh giống má, mọng mạ ra đồng không ghé vào nhà người khác. Không làm như vậy, được cho là không giữ lễ thói cho gia đình hàng xóm. Những ngày như mồng một, ngày rằm mà nhất là lúc chạng vạng tối mỗi ngày không đong lúa cho người hàng xóm mượn vì cho rằng trong năm công việc mùa màng của mình không thuận lợi. Còn ngâm giống chuẩn bị bắt mọng lại không chọn ngày Tý (ngày chuột) và không đong lúa cho người khác mượn vào thời điểm đang ngâm giống. Ngâm phải đủ ba ngày để hết cữ (cữ ở đây muốn chọn số lẻ) thì giống mới nảy mầm. Những thói quen xã hội như vậy đã có từ rất lâu lại không có căn cứ thực tiễn thì nay đã không còn duy trì nữa, và rất ít người còn để mắt đến, nhất là thế hệ trẻ.

Khi đong gạo cho hàng xóm mượn, người ta khoả ngọn vào chủ nhà mà không khoả ra phía khách, e rằng làm ăn không nên nổi, thu hoạch mùa màng thất bát.

Sau một vụ mùa, người nông dân xứ Quảng thường phơi rơm thật khô để dành dùng làm chất đốt nấu cơm hoặc cho trâu bò ăn trong mùa mưa lụt. Muốn để dành sử dụng được lâu, phải chất thành còi, thành cây; đồng thời trong ngày còi rơm không đong lúa ra khỏi bồ bịch¹⁴, không cho người ngoài mượn gạo, lúa.

Đôi với gia cầm, gia súc nhất là gà không nên cho ấp trứng hai năm, không xuống gà mới nở lúc nước thủy triều lên. Nuôi heo không bỏ heo

¹⁴ **Bồ**: là dụng cụ đan lồng tư, bằng nan tre bản rộng dày vừa phải, hình tròn như một cái thùng có 4 chân, miệng bồ chụm lại một ít. Trên bồ dầy lại bằng cái trệt. Bồ dùng đựng sản phẩm nông nghiệp như lúa, khoai khô, sắn khô, đậu mè, thuốc bông... có khi đựng cả áo quần nữa. **Bịch**: như bồ nhưng lớn hơn, có thể đựng 50 ang lúa. Nan tre dày hơn, nhiều nan cật. Bịch trông có vẻ cứng cáp hơn bồ, chủ yếu đựng sản phẩm nông nghiệp. Trên bịch dầy một cái nia. Vùng nông thôn xứ Quảng nay, dụng cụ này vẫn còn.

vào chuồng lúc nước ròng, e nuôi lâu lớn và cũ bỏ vào chuồng ngày Hợi, tin là ngày phá quân (đàn) ngại rằng nuôi heo sinh bệnh.

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Nam, Đà Nẵng, trong thời gian phát rầy có các kiêng cũ trong quá trình làm đất như người Cờ tu khi phát rầy, làm nương nếu gặp 2 con rắn, 2 ổ chuột, gặp phải cây đa, cây đào đã mục hoặc 2 cây rừng xoắn lại với nhau ngã sát đất thì bỏ rầy, không chọn nữa, e rằng năm đó sẽ mất mùa to. Nếu trong lúc phát rầy mà gặp một tổ chim rừng có trứng, trứng nhiều càng cho là hên, sẽ được mùa, nhiều gùi lúa.

Đối với người Bh' nông suốt thời kỳ phát rầy, chủ nhà không được tắm rửa, kiêng không ngủ với vợ, không được gặp phụ nữ mới sinh dậy, không được gậy gỗ, cãi vả trong nhà, nếu không làm ăn cũng sẽ mất mùa. Khi rầy đã dọn sạch chuẩn bị tủa hạt mà gặp phải sét đánh chết người thì phải cúng tạ thần sét và bỏ rầy.

Người Cờ tu có tục khi đốt rầy không để lửa cháy lan sang rầy người khác. Nếu vi phạm bị phạt đền thật nặng. Do thế khi người Cờ tu đốt rầy thường rủ nhau đốt một lần, một ngày. Sau khi đốt xong phải có lễ cúng thần. Xin giàng cho được mùa no đủ, tạ thần, bỏ qua cho những thiếu sót mà chủ đất mắc phải với thần.

Trước khi tủa lúa xuống rầy, người miền núi có tục cúng giàng và kiêng cũ người lạ vào rầy hoặc đi ngang qua rầy, người trong làng không được đi ra khỏi làng. Nếu vi phạm có thể bị phạt rất nặng. Khi gặp dấu chữ thập (+) cắm nơi đầu rầy, xem như cũ tuyệt đối không được xâm phạm vào nương rầy.

Với các loại lúa giống người dân tộc kiêng không được giã để nấu ăn, kiêng những người dơ bẩn không được sờ đến lúa giống, nếu vi phạm đến, thần lúa sẽ phạt nặng.

Người Cờ tu, Bh' nông, Co, kiêng cũ nếu trong làng có người chết, hoặc người sinh thì nghỉ 1 đến 2 ngày dù thời vụ gấp gáp.

Trên đường đi cắt lúa nếu nghe con mang kêu, hoặc gà rừng gáy thì quay về, chờ đến hôm sau.

Thời gian tuốt lúa tại rẫy có cảm biểu tượng (+) để kiêng cũ, gặp biểu tượng trên, tuyệt đối kiêng vay mượn, xin cho, nhờ đỡ....

Người Xê đăng trước khi đi tuốt lúa tại rẫy thường kiêng tất cả các gia đình trong làng, không đi thăm nhau qua lại trong vòng mười ngày. Trong 10 ngày đó không được xin lửa của nhau, mượn đồ dùng của nhau. Trẻ em không được ra suối, e mang ma xấu về làng, về nhà. Người Xê đăng còn kiêng không đưa đón hồn lúa về nhà vào những ngày chẵn, bởi quan niệm ngày chẵn là xấu, ma thường hay đi theo.

Những kiêng cũ như vậy trong sinh hoạt nông nghiệp của người dân xứ Quảng nay vẫn còn một bộ phận nông dân duy trì, tuy thành tựu khoa học công nghệ về chăn nuôi, trồng trọt đã đẩy lùi những quan niệm cũ ra ngoài thói quen thường ngày của người nông dân xứ Quảng.

Ngày nay, một bộ phận người dân không còn kiêng cũ trong sản xuất nông nghiệp nữa. Ngành chăn nuôi đã được cơ sở thú y xã phường bảo vệ, người dân đã thực hiện việc chủng ngừa và trị bệnh cho đàn gia súc, gia cầm khi cần thiết.

Trong chăn nuôi

Đối với người miền xuôi, ngoài phát triển kinh tế bằng trồng trọt, người Quảng còn có chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm để lấy thịt làm thực phẩm, dùng vào việc vận chuyển, lấy sức kéo đối với trâu bò, và lấy phân của chúng bón ruộng, vườn. Hầu như nhà nào cũng có vài mái gà, dăm con heo trong chuồng. Trâu bò không cứ nhà nào cũng có, những hộ có ruộng, đất thổ nhiều cần đến trâu, bò thì nuôi, nhà nghèo thường không có.

Vịt, chỉ những gia đình gần sông, rộc, ruộng, ao hồ thường nuôi từ một chục (12 con) lên đến trên trăm con và được nuôi theo bầy, thả trên sông, hoặc lùa chúng xuống đồng tìm mồi sau khi lúa được gặt xong. Ven các triền sông, đôi khi gặp các chòi giữ vịt của nông dân xứ Quảng, họ làm chòi và ngủ lại đêm để giữ vịt. Khi cho vịt ăn, hoặc bắt vịt đem bán, họ dùng mảnh mảnh bằng tre vẩy tròn lại để dễ bắt, khi bắt gà túm chân, còn bắt vịt thường túm cổ. Thức ăn thường là rau lang, cám gạo, hoặc chuối xắt nhỏ, nhưng vịt thích nhất vẫn là lúa. Vịt con còn nhỏ, người chăn nuôi có thói quen sau khi làm đồng về vào các buổi chiều, lùa chúng

ra vườn, nơi có nhiều ụ giun, dùng cuốc chĩa, cuốc con có 3 lưỡi nhỏ xới đất lên, vọt theo đó tìm mồi.

Nuôi trâu, bò, heo tục người Quảng quan niệm có ông chuồng, bà chuồng coi ngó, nên hằng năm vào dịp Tết nguyên đán nhà nào cũng có tục cúng chuồng heo, trâu, bò gọi là tết chuồng. Những con vật nuôi có giá trị kinh tế cao, tục cúng chuồng càng phải thực hiện. Rất ít người cúng chuồng gà, vịt. Cúng chuồng thường *kiên dựng một mâm cơm, cùng hương đăng thanh chước, phù lan diêm mễ, các thứ phẩm khác* nhưng đặc biệt lưu ý là phải có *hình vẽ các con vật*. Ví dụ cúng chuồng heo phải có hình vẽ con heo trên giấy sục, xem như là hình thể mạng dăng lên ông chuồng bà chuồng. Khi đốt hình vẽ, sẽ hoá thành con vật cho ông chuồng bà chuồng mang theo mà không làm hại con vật đang nuôi trong chuồng. Lễ cúng chuồng người Quảng gửi vào đây niềm tin, cầu cho con vật nuôi ăn nhiều, nhanh lớn, không bị bệnh và nhất là ông chuồng, bà chuồng không bắt chúng đi theo.

Trâu bò ăn cỏ nên thường thả rông lên triền đồi, núi hoặc chặn đất cho ăn tránh việc trâu bò ăn phải hoa màu của người khác. Trên đường lùa trâu, bò ra đồng, người Quảng dùng cái giỏ bịt, treo vào mõm con vật không cho chúng quơ lưỡi sang bên, ngứt đi những đọt lúa, bắp, hoặc rau lang, mọng (mạ) của người dân. Mùa mưa, đôi khi chặn đất trâu bò ăn theo các bờ mương, bờ ruộng như thế gọi là *lễ bò* hoặc *lễ trâu*. Những ngày bận rộn lại mang giỏ bịt ra đồng cắt cỏ gánh về cho trâu, bò ăn. Gặp lúc trời lạnh, mưa nhiều, nước ngập không thả trâu bò ra đồng được, lại phải rút rom từ cây rom quăng vô chuồng cho chúng ăn.

Để chăn nuôi được thuận lợi, tục người xứ Quảng thực hành theo một số tập quán trong chọn lựa con vật nuôi. Nuôi chó con phải cho chó con lạy chó lớn nhằm tránh việc “ăn hiếp”, đưa chó con đến trước mặt chó lớn chụm hai chân chó con lại, chủ nhà thay lời chó con nói: *không được cắn em nghe chưa* và thế là tin rằng chó lớn không cắn chó con. Đối với mèo con vừa mới xin đâu đó về cũng phải làm vậy. Để cho chó hoặc mèo phóng ué đúng nơi quy định, khi mới xin chúng về dùng một cái que đo đuôi chó, mèo, xong vớt cây đo ra xa. Người ta tin rằng chó mèo sẽ nhớ que đo và tìm đến nơi ấy để “đại tiện”, tránh việc phóng ué, tiện trong nhà. Đối với heo đang nuôi bỏ ăn, chủ nhà viết mấy chữ *Khương thái*,

hoặc đứng bên róng chuồng heo dùng tay viết mấy chữ như trên cũng tin rằng heo sẽ tiếp tục ăn và chóng lớn. Đến khi heo lớn, bán cho lái buôn, tục xưa bày róng lại dùng tay nhỏ một chúm lông nơi vai con heo bỏ vào chuồng, như thế người nông dân nghĩ rằng lứa heo sau sẽ nuôi được và nhanh lớn. Gà mua về nuôi thường có thói quen cất đuôi chôn nơi cửa chuồng, nhà nào không có chuồng thì chôn trước chuồng heo nơi gà nhảy lên ngủ đêm, hoặc nắm cả bộ chân quay vài vòng làm cho chúng khó đoán phương hướng, xong thả nuôi, như thế tin rằng gà sẽ nhớ chuồng trại, không bỏ chuồng đi ngủ lang nơi khác.

Tục trong chăn nuôi của người Quảng còn biểu hiện quan niệm về tâm linh bên cạnh sự phát triển kinh tế hộ gia đình. Người ta nghĩ rằng sẽ có hên, phát đạt trong làm ăn khi tự dựng chó đến nhà mình ở, ngược lại sẽ không hên, sẽ khó khăn và gặp chuyện không may khi mèo lảng vào nhà. Thế nên thành ngữ dân gian xứ Quảng thường dùng: *mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giàu* đôi khi được nhắc đến như một quan niệm trong chọn lựa con vật nuôi. Lại cũng quan niệm rằng, đánh mèo hàng xóm chết trong nhà mình là điều không nên thực hiện chút nào. Vật nuôi trong nhà, chó thường được xem quý hơn mèo vì chó có nghĩa và trung thành với chủ, hơn thế, chó có công khi giữ hạt lúa ở lại với người nông dân¹⁵.

Đối với người miền núi, việc chăn nuôi ít phát triển vì không được chú trọng để lấy thịt, sức kéo cày, mà quan trọng trong chăn nuôi của người dân tộc thiểu số Quảng Nam, Đà Nẵng là dùng vào việc hiến tế, tế lễ, hội hè trong làng.

Do phát triển và tồn tại sớm cùng với sự phát triển của các tộc người nên việc chăn nuôi đối với người dân tộc thiểu số tích lũy được một số kinh nghiệm trong nuôi thả đã trở thành tập quán lâu đời trong gia đình, buôn bản. Đối với các loại gia súc như trâu, bò, dê, cừu, heo... người dân thường chọn thân dài, lưng thẳng, đầu to, trán phẳng, ngực nở nang, sừng

¹⁵ Theo chuyện kể dân gian: Ngày xưa ngày xưa, đến mùa gặt lúa, nhà nọ chuẩn bị lạt, giàng ra đồng gặt lúa, chủ nhà dặn vợ ở nhà quét sân cho sạch sẽ để gánh lúa về. Ở nhà, vợ lười nhác để sân đầy rác rưởi. Khi chủ nhà gánh lúa về đến đầu sân, chị vợ sức nhớ bèn cầm chổi lên quét sân. Khi chủ nhà nghiêng vai đặt bó lúa xuống sân, bỗng nhiên bó lúa lăn vòng rồi ngược ra công ngõ. Thấy thế, chú chó chạy đến dùng mõm và hai chân giữ bó lúa lại. Từ đó con chó được xem là vật nuôi trung thành và có nghĩa với chủ. Từ đó về sau, người Quảng quý chó. Trong cúng cơm mới, người nông dân Quảng Nam có tục cho chó ăn cơm trước, trước khi cả nhà thưởng thức hương vị cơm mới đầu mùa ngon lành của thân lúa ban tặng.

cánh cung cân đối, đuôi dài, khi đứng, toàn thân phía sau cao hơn trước, chân phải thẳng vững chãi. Heo phải có bộ lông cứng, lưng võng, mõm dài, tai to. Chọn giống xem kỹ bộ phận sinh sản, vú phải nhiều, to, cách đều nhau. Đối với các loại gia cầm như gà, vịt người dân chọn loại gà kiến bản địa chúng có thể kháng được một số bệnh tật. Các loại gia cầm nuôi trong nhà như chó mèo đều chọn loại chó bản địa nhanh nhẹn, mèo có thân dài, bụng thon nhỏ.

Tục trong chăn nuôi của đồng bào dân tộc thiểu số thường thả rông ngoài rẫy, chúng tự tìm kiếm thức ăn có trong thiên nhiên như các loại củ, cỏ, sắn, bắp, khoai lang, chuối... Do chọn thức ăn tự nhiên nên thường dễ nhiễm bệnh nhất là sán, giun. Khi con vật nuôi bị bệnh thông thường, người dân dùng biện pháp cúng tế theo nghi thức cổ truyền, nhờ thần linh giúp đỡ.

Trong chăn nuôi của đồng bào các dân tộc có tập quán thường xem trâu và heo là hai con vật được ưu tiên nuôi nấng. Bởi trong tập tục, trâu là vật hiến tế quan trọng liên quan đến lực lượng siêu nhiên, trong đó hiến tế các thần linh là quan trọng nhất như cúng mùa, cơm mới, lễ tế, hiến sinh. Tục của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, lễ đâm trâu hiến sinh nhằm cầu an, cầu được mùa, no đủ, rất có ý nghĩa tâm linh đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam, Đà Nẵng. Hơn thế, còn có ý nghĩa nhân sinh liên quan đến hưng thịnh, suy vong của một tộc người. Bởi đó, tục đâm trâu là sinh hoạt tâm linh rất được xem trọng mang sắc thái văn hoá nông nghiệp nương rẫy vùng cao của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Ngày nay, các dân tộc thiểu số vùng cao đã bỏ dần tục cũ, thay đổi chủng loài con vật nuôi, kỹ thuật chăn nuôi cũng được đổi mới cho phù hợp. Người dân biết cách chăm sóc con vật nuôi trong chọn giống, phòng các loại bệnh dịch, tiêm phòng cho gia súc gia cầm. Do đó việc chăn nuôi có phần thuận lợi hơn trước, tạo được sức kéo, cày, lấy thịt, trao đổi hàng hoá... góp phần tạo nên thu nhập cho người dân vùng cao, tăng chất dinh dưỡng cho con người.

Tập tục hát, hò đi theo cùng lao động sản xuất

Xưa kia trong phát triển kinh tế của người xứ Quảng, nông nghiệp vẫn là cơ bản, là *nông vi bản*. Do số dân thời ấy ít nên tục văn công, đôi

công trong xóm, làng thường xuyên diễn ra sôi nổi, người ta thường giúp nhau qua lại những lúc vụ mùa khẩn thiết. Chính đó là thời điểm các thanh niên trai tráng trong làng có dịp tụ tập lại, từ đây làm nảy sinh các tục lệ trong những lần sinh hoạt, diễn xướng ngay trên đồng ruộng quê nhà trong những lần uống nước nửa buổi để tìm lấy nguồn vui. Từ tục lệ này mà những điệu hò trong lao động từ đó ra đời. Tùy theo từng vùng và ngành nghề, trong khi hát kiến tại những bài ca, điệu hò tương xứng, xứ Quảng có thể tìm thấy hai dòng hò: *hò trên cạn* và *hò trên sông nước* gắn liền với đời sống con người nơi đây và đã trở thành lệ suốt cả thời “*nông vi bản*”. Đây là điều kiện trong nghề nông hình thành tập tục sinh hoạt, cho ra đời những điệu hò, trong đó nổi bật là hò khoan đối đáp cùng với quá trình lao động của người dân xứ Quảng.

Tập tục hò trên cạn

Khi người nông dân lên núi đốn củi, lúc trèo lên những ngọn đồi, sườn núi, đường dốc như đèo Le, để đỡ mệt nhọc, họ lại cất tiếng hò lên cho tinh thần thêm phấn khởi. Ví dụ:

*-Hò ơ khoan. Khoan hò khoan
Trèo lên (khoan hò khoan) dốc ngược (khoan hò khoan) nhọc nhằn
(khoan hò khoan).
Mưa tuôn (khoan hò khoan) nắng cháy (khoan hò khoan) vững bền
(khoan hò khoan) vượt lên (khoan hò khoan là hó)
Chí vững bền cùng nhau vượt dốc
Anh em mình ra sức vượt qua (là dô hò)*

Hoặc là người Quảng lợi dụng sức kéo của trâu, bò để đưa gỗ từ núi về làm nhà. Một nhóm người lên núi chặt cây về cưa xẻ làm kèo-cột-xuyên-trính-đòn tay-rui-mè... Và thế là điệu hò trâu kéo gỗ đã xuất hiện, nhóm người đi theo sau cứ thế hò với nhau, như có sự đồng cảm giữa người với trâu trong quá trình lao động. Họ đã nhân hoá con vật nuôi của mình lên, thương yêu, dỗ dành qua những lời ca ngọt ngào. Khi trâu, bò lên dốc, người theo sau cố sức cùng đẩy làm nhẹ bớt cho trâu, lời hò phụ vào làm cho trâu, bò cố sức kéo gỗ lên dốc. Rồi lại động viên, vỗ đít trâu:

“Lô lô chăm lô...lên bằng mà nghỉ con hè”¹⁶. Tục như thế nay vẫn còn phổ biến, có nơi không hát hò mà hô lên một tiếng điểm nhịp để tập trung lực, tạo nên sức mạnh đẩy, hoặc kéo gõ:

-Con ghé xe
Mình chăm ngược cho gắt
Bắt ngược cho hay
Lên bằng mà nghỉ con hè?

-Em là con gái Thanh Lương
Thấy anh gánh lúa vừa thương vừa mừng
Mồ hôi ướt cả trán lưng
Hỏi anh có mệt, gánh giùm cho anh
Mời anh bát nước chè xanh
Ta thi nhau gánh cho nhanh bạn cùng.

-Ngày đêm vát vả
Vát vả đêm ngày
Chung tay giã đậu
Giã cho tróc vỏ
Ép cho nhiều dầu
Nhịp nhàng đêm thâu

-Ngó lên lửa cháy núi lan
Bạn ơi khoan đã, lửa tàn hãy hay.

-Bấp non mà nướng hoả lò
Đó ai ve đặng con đò Thanh Khê.

Khi vắn công, đôi công trên những cánh đồng quê nhà: tát nước, cấy cày, hái dâu, chăm tằm, nhổ sắn...ta lại gặp tiếng hò. Những điệu hò như thế đã gắn chặt vào một vòng đời con người xứ Quảng không thể nào tránh khỏi, dù có sinh sống bằng nghề gì thì trong mỗi ngành nghề đều có những điệu hò thấm đượm ân tình ra đi từ trong lao động sản xuất.

¹⁶ Xem *Những điệu hò xứ Quảng*- Trần Hồng- Nxb Đà Nẵng 2004.Tr 99.

*-Tháng ngày tát nước, dào nương
Lúa khô, mạ cháy càng thương ruộng đồng.*

*-Khiêng xe cho nước lên đồng
Bà con đủ ấm Thần Nông vui mừng.*

Tục hò khoan đối đáp

Hò khoan đối đáp xuất hiện và tìm được môi trường diễn xướng, trụ được, phổ biến và rất được ưa thích ở xứ Quảng đã trở thành lệ không thể thiếu được. Đây là một tập tục mang sắc thái văn hoá làng xã, tồn tại một thời gian dài cùng với nền nông nghiệp lúa nước.

*Ở nhà nghe tiếng hò khoan
Trốn cha trốn mẹ băng ngàn tới đây
Hữu duyên gặp bạn chốn này
Hỏi bạn còn thương như cũ
hay đã khuây ghĩa người?*

Không một người dân Quảng nào mà không thuộc vài ba câu hát hò khoan xứ sở. Xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, hò khoan được nhân dân vận dụng và phát triển tùy theo mỗi vùng cư trú, tùy theo tập tục của mỗi vùng mà có, nhưng thế nào đi nữa, hò khoan vẫn gắn liền với làng quê, thôn xóm, ruộng đồng. Từ miền núi đến đồng bằng ra hải đảo, đâu cũng có hò khoan, những đêm diễn xướng cũng thường tập trung trên sân một nhà bạn hát nào đó, hoặc dưới luỹ tre làng, hoặc trên một ghe bầu neo đậu bên sông...¹⁷ vào những đêm trăng tỏ. Để được hát hò khoan đối đáp, đôi khi các bạn hát vượt sang làng khác để hát tìm vui, kết tình nam nữ... Đối tượng để hát thường là những công việc lao động hằng ngày như giã gạo, giã vôi, leo dốc, chèo thuyền, kéo lưới, ươm tằm... đôi khi không có công việc trong những ngày nông nhàn, người dân tập trung lại giã trấu mà hát với nhau.

¹⁷ Người Cơ tu có điệu hát giao duyên đối đáp hay dân ca Cơ tu, và cùng hát kiến tại như người Kinh gọi là hát Ba boáh. (Sẽ trình bày sau).

Một đêm hát hò khoan đối đáp huê tình đúng tập tục thường có ba chặng:

-Hát chào

Hát chào thường diễn ra khi các bạn hát tập trung tại địa điểm diễn xướng và họ chào nhau, đôi khi giới thiệu tên họ, tuổi tác cho nhau nữa. Lời hát phong phú và dụng công rất công phu. Có thể là nam hát trước, nữ sau nhưng cũng có khi ai đến sau phải hát chào theo tục lệ “*tiên khách hậu chủ*”.

*Vô đây bớ bạn vô đây
Trầu cau một hộp đem xây trên bàn
Tội chi đứng sá ngòi đàng
Sương sa lụy nhỏ cảm thương hàn ai nuôi.*

Nữ:

*Tới đây tui mở lời chào,
Chào Nam chào Bắc chưa biết chào ai
Chào người ngang vé, chào kẻ ngang vai
Ai có ân thâm nghĩa trọng lắng tai nghe chào.*

Nam:- Ở nhà nghe tiếng bạn hò

*Áo chưa kịp bận, còn mang xùng xình
Tới đây vốn có một mình
Ai vui tui vui với, ai kình tui cũng kình chơi!*

Bạn hát tập trung đã đông, tự chọn nhóm để vào cuộc chơi đối đáp. Sau chặng hát chào, đêm hát chuyển sang chặng thứ hai. Đây là chặng gay cấn nhất, bởi chỉ toàn là những ứng tác, kiến tại tại chỗ nên việc đối đáp là hết sức khó khăn, phải vận dụng tài trí vào cuộc hát hò thì mới có thể duy trì được lâu. Ở chỗ cuộc hát có hát đố, hát đối, nhân ngãi, cách cú... thường bên nữ xướng trước, bên nam họa theo.

-Chặng vào cuộc

Chặng này có thể chia ra nhiều nội dung khác nhau tùy theo hứng thú từng bữa hát. Không nhất thiết bữa nào tập trung lại hát cũng đố nhau, cũng xạo, cũng nhân nghĩa huê tình mãi, mà còn tùy không khí cuộc vui

đổi đáp mà sa đà theo với bạn hát. Tuy nhiên, chừng nhai dập vài ba miếng trà, uống cạn bát nước chè xanh, vậy là cuộc hát đã khuya lắm, sương thấm trên vai, trăng xế trên đầu rồi còn gì!

Hát đố:

Nữ: - *Tiếng đồn các cậu hò hay
Tui đố các cậu cối xay mấy niềng?*
Nam: - *Cối xay mười sáu cái niềng
Tui đố em bậu thuyền duyên mấy chèo?*
Nữ: - *Thuyền duyên mười sáu mái chèo
Tui đố các cậu con mèo mấy lông?*
Nam: - *Bạn đố chi mà đố ngất, đố nghèo
Đố chi không đố, đố con mèo mấy lông
Ai về tát cạn biển Đông
Thì tui đếm hết mấy cái lông con mèo.*

Sau một vòng hát đố thử tài, cuộc vui có thể chuyển sang:

Hát đối.

Nam: - *Con vịt nó kêu cặp cặp
Nó kêu không hỏi không chấp
Nó kêu khắp cả dòng sông
Nó kêu đào hoa giang thượng tương ánh hồng¹⁸
Nguyện làm sao đó vợ đây chồng
Đành rằng nước chảy bèo trôi
Tuy rằng kêu cặp, chớ chừ mô cô có một mình.*
Nữ: - *Con gà nó kêu chiếc chiếc
Nó kêu như tha như thiết
Nó kêu riết cả năm canh
Nó kêu giang đầu lũy thủy bất vị thanh¹⁹
Trời kia sao khéo để duyên lành hơn nợ
May mô ngộ gặp tình cờ*

¹⁸ Đào hoa giang thượng tương ánh hồng: hoa đào trên sông phản chiếu ánh hồng.

¹⁹ Lũy (thủy): một loại dây leo sống ở nước. Nó kêu đầu sông (mà) loài dây lũy không nghe được tiếng kêu (âm thanh).

Tuy rằng kêu chiếc bầy chừ thành đôi.

Cuộc vui có thể chuyển sang nội dung mới khó hơn, những thanh niên nam nữ không theo kịp chỉ ngồi nghe các bạn đối đáp nhau:

Hát xạo:

Nam:- Giương cung bắn xỉ con cò²⁰

Thường ngày thường tới thường mò cá tôm

Nữ: - Hữu nhữn vô châu thầy thấy đâu thầy bắn

Ra tận chiến trường trắng trợn mắt mây?

Nam:- Hữu nhữn vô châu thầy cũng thấy lò mò

Thầy bắn không trúng, thầy rờ thầy đâm!

Nam:- Con kia mi đừng nói lừng khừng

Xung điên bắt rắn bỏ quần mi phải khai

Nữ: - Bụng đàn bà dạ con gái

Thấy rắn phải la làng

Rắn không phải rắn nó vàng vàng như chú lươn.²¹

Thực tế hát xạo không diễn ra được lâu trong buổi huê tình, bởi bạn hát ít tham gia vì có tính cá nhân. Thời gian dành cho hát xạo chừng nhai dập bả trầu là đã chuyển sang lời lẽ và giai điệu trữ tình của cuộc vui:

Hát nhân ngãi.

Nam:- Sông biển cạn(chớ) lời nguyên không cạn

Núi lở non mòn, nghĩa bạn không quên

Đường mòn sớm xuống chiều lên

Dặn ai ai nhớ, đừng quên nghĩa tình

Nữ: - Thương nhau bụi cỏ cũng ngời

Đám tranh cũng lợi, vườn đôi cũng bằng

Nguyện cùng dưới nước trên trăng

Một trăm chón mới không bằng tình xưa.

Nam:- Tay bưng đĩa muối chấm gừng

²⁰ Nghệ nhân vận dụng phương thức lái trong Tiếng Việt.

²¹ Chàng trai tên Lương hát với cô gái tên Khai.

*Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau
Lời nguyện trên Bộc trong dâu²²
Ai mà ở bạc, trên cao có trời*

*Nữ: - Thân em như hạt cau khô
Người thanh chuộng mỏng, kẻ thô chề dày
Hồi người ơn trượng ngãi dày
Nắng ba năm không lọt, mưa ngàn ngày
đừng phai.*

Cuộc vui ở vào giai đoạn giữa cuộc, sâu lắng trữ tình nhất, lời hát mềm mại thiết tha được trao gởi và hứa hẹn cho nhau. Có thể có đôi nam nữ tâm đầu ý hợp, họ tách riêng ra, tìm đến một cách giao duyên khác, chẳng hạn hát *giao duyên qua ống*. Ở hình thức này tâm tình tự sự được bộc bạch chân thành, quyết liệt hơn.

Đêm đã khuya, cuộc nhân ngãi chuyển sang đoạn kết thúc, xa cách, nhớ nhung.

-Chặng già bạn

Ở chặng này, những lưu luyến của những đôi nam nữ được tỏ bày. Vào những lúc đêm đã khuya, trăng xế trên đầu. Họ chuẩn bị chia tay:

*Nam:- Bạn ra về lòng ta khô ta héo
Bạn ra về không lẽ ta réo ta kêu
Nghiêng tai giữa gió ta bảo nhỏ đôi điều
Ai xa mặc họ hai đũa mình nghèo đừng xa.*

*Nữ: - Hai đũa mình nghĩa nặng tình thâm
Nắng buồn lá liễu, mưa dầm đọt lê
Thôi thôi đó ở, đây về
Đừng rung rung nước mắt ngọc mà ủ ê gan vàng.*

Cuộc hát hò khoan đối đáp say sưa đã xuất hiện dấu hiệu bắt đầu chia tay, họ hẹn nhau vào một lần trăng khác:

²² **Trên Bộc trong dâu:** trong nương dâu bên bờ sông Bộc (xưa, bên Tàu). Tiếng nhạc trong bãi dâu bên bờ sông Bộc là tiếng nhạc làm mát nước. Đất nước Vệ có bãi dâu trên bờ sông Bộc, trai gái tụ tập, đàn hát, gọi chuyện dâm ô nên gọi là tiếng nhạc mát nước. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có: *Ra tuồng trên Bộc nương dâu. Thì con người ấy ai cầu làm chi.*

Nữ: - *Chàng về trên nó, thiếp ở lại dưới ni
Loan xa phụng cách, khổ làm ri bó trời.
(Khoan hó hời là hò khoan)*

Nam:- *À ơi... Bao giờ cho liễu xa đình
Hạc kia xa hương án, hai đũa mình mới xa.
(Khoan hó hời là hò khoan)*

Nữ:- *Trăng lên vàng vặc đứng đầu
Đông hồ tí tách, trống trên lầu điểm ba²³
Tai nghe giọng đé, tiếng gà
Đêm dài ngày ngắn xót xa mối tình
Tay anh bung chén rượu ngọc quỳnh
Chân quỳ tay rót nếp mình tạ đũa
Tạ người tình cũ nghĩa xưa
Trọn niềm trăng gió, đón đưa hẹn hò
Một sông, một bên, một đò
Hợp tan, tan hợp, phú cho đất trời.*

Nam:- *Lui gót ngọc, châu rơi lã chã
Đưa tình nhân buồn bã ra về
Sầu un un lệ ứa đê mê
Nguyệt ơi bó nguyệt tứ bề sáng soi
Trăng ơi! Khoan lặn non Đoài²⁴
Đé ta đưa người ngọc một hai chặng đường
Người thương ơi hỡi người thương
Dầu cho xa cách ta đừng quên nhau
Rung rung tay nắm chặt tay
Thủy chung ta giữ vẹn, có ngày gặp nhau.²⁵*

Tập tục hát hò theo ngành nghề khác

Xã hội ngày càng phát triển, ngoài *nông vi bản*, một số ngành nghề thủ công truyền thống có phát triển, theo đó một lượng dân đình, dân tráng trong làng bỏ ruộng theo nghề, cũng có người chọn nghề phụ sinh sống,

²³ **Điểm ba**: trống điểm canh ba.

²⁴ **Non Đoài**: cung Đoài, về phương hướng chỉ phía tây. Trờ tây.

²⁵ Xem **Hò khoan Quảng Nam**-Đình Thị Hựu-T/c *Nguồn sáng dân gian*. Số 3/2002. Tr 23. **Những điệu hò xứ Quảng**
- Trần Hồng – Nxb Đà Nẵng 2004. Tr 24.

có người chỉ lao động nghề phụ theo thời vụ nông nhàn. Tuy thế, trong quá trình lao động vẫn có những điệu hò phản ánh các mối quan hệ của người dân Quảng Nam – Đà Nẵng. Thời hiện đại, những điệu hò vẫn được sử dụng trong quá trình phát triển. Chẳng hạn, sau đây là điệu hò giữa anh công nhân và cô nuôi dạy trẻ:

Nam: *-Khách hàng như cánh bướm bay sớm chiều
Mua bao nhiêu bán bấy nhiêu
Ra vô còn có đồng tiêu, đồng xài
Ai biết mình, mình chẳng biết ai
Loại hàng không có cánh (khó ai, khó ai)
biết mình
Hết giờ xách cái túi xinh xinh
Từ cửa hàng lê bước với người tình
(người tình) khoẻ ru.
Khỏi mắt công bận bịu chẫu xô
Cái nghề thương nghiệp có cơ (có cơ) phát tài.*

Nữ: *- Nói rằng sao thấy lạ tai, bực mình
Nghề nào phục vụ nhân dân
Cũng đều gian khổ góp phần kém chi
Thương nghiệp là nghề làm giàu
(làm giàu) cho nước
(làm giàu) cho dân.²⁶*

Hoặc như:

*Tưởng giếng sâu em nói sợi tơ dài
Tưởng giếng sâu em nói sợi tơ dài
Ai ngờ (cái) giếng cạn,
em tiếc hoài (tiếc hoài) sợi dây
Con thoi đang đưa, có hay
Hay chẳng đường tơ đang đứt
Khung cửi đang dệt có hay rằng
Đứt một đường tơ*

²⁶ Bài do Phan Ngan đặt lời cho ca cảnh *Chiều thứ 7*.

*Bấy lâu tình trái nắng mưa
Bây giờ chừ mới cạn sâu
(cạn sâu) tỏ tường
Em trách ai uống nước Thu Bồn
Mà nữ đâu quên hết cội nguồn²⁷*

²⁷ Bài do NS Ngọc Kỳ viết lời cho vai diễn *Cô thợ dệt yêu anh thợ máy*.